

Số: 544/TB-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thời gian: 08h00 ngày 17/6/2021
2. Địa điểm: Hội trường Công ty, Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
3. Thành phần tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM theo danh sách người sở hữu chứng khoán VTV tại ngày đăng ký cuối cùng 10/3/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
4. Chương trình nghị sự: *Gửi kèm theo thông báo mời họp*
5. Tài liệu phục vụ Đại hội: Các tài liệu phục vụ Đại hội đề nghị Quý Cổ đông tham khảo tại địa chỉ: <http://www.vtvxm.vn/>
Trường hợp cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác họp thay (*theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm*).
6. Xác nhận tham dự Đại hội:
 - Các đề xuất của Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền về nội dung Chương trình Đại hội xin vui lòng gửi văn bản về BTC Đại hội trước 16h00 ngày 14/6/2021;
 - Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội trước 16h00 ngày 14/6/2021 bằng cách liên lạc hoặc gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội:
Phòng Pháp chế và Quan hệ cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Liên hệ: Trần Quang Ninh Điện thoại: 0904947038

Khi đến dự họp, Quý cổ đông vui lòng mang theo bản chính CM/ND/hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền họp lệ) và:

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế làm việc tại Đại hội
- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid -19 từ Ban tổ chức Đại hội.

Trân trọng thông báo./ *ical*

Tài liệu gửi kèm:

- Chương trình ĐHĐCĐTN 2021;
- Giấy xác nhận dự họp;
- Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐTN2021 có nhân.

TẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Trụ sở chính: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372

Fax: 024.38.457.186

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 08 giờ 00 ngày 17/06/2021

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM
Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	Đón tiếp, kiểm tra, xác nhận tư cách cổ đông tham dự Đại hội, phát tài liệu cho cổ đông
08h30 - 08h35	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành Đại hội
08h35 - 08h40	Tuyên bố lý do ĐH và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự
08h40 - 08h50	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu và bầu cử và thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội
08h50 - 09h00	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021
09h00 - 09h10	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021
09h10 - 09h40	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2020 và kế hoạch SXKD 2021
09h40 - 09h50	Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
09h50 - 09h55	Thông qua tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2020
09h55 - 10h00	Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021
10h00 - 10h05	Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2021
10h05 - 10h10	Báo cáo công khai lợi ích liên quan, thông qua danh sách hợp đồng với người có liên quan
10h10 - 10h15	Thông qua Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi
10h15 - 10h20	Thông qua Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty
10h20 - 10h25	Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
10h25 - 10h30	Thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
10h30 - 10h35	Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT/BKS
10h35 - 11h00	Bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm: - Thông qua Quy chế bầu cử; - Công bố danh sách ứng viên HĐQT/BKS - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử; Cổ đông thực hiện bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu.
11h00 - 11h30	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội
11h30 - 11h35	Công bố kết quả bầu cử và ra mắt thành viên HĐQT/BKS



11h35 – 11h45	Nghỉ giải lao
11h45 – 11h50	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội
11h50 – 11h55	Thông qua Biên bản Đại hội
11h55 – 12h00	Bế mạc Đại hội



Số: 545/QC-HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ
LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy định chung

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (sau đây gọi tắt là "Đại hội") nhằm đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích

Quy định này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự và thủ tục luật định và phù hợp với quy định của pháp luật; đảm bảo cho Đại hội được tiến hành trong trật tự, an toàn, đúng thời gian trong chương trình nghị sự của Đại hội; đảm bảo cho các cổ đông thực thi các quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững Công ty.

Điều 3: Chương trình nghị sự

1. Chương trình nghị sự của Đại hội được gửi trước cho các cổ đông kèm theo Thư mời họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội (cụ thể là trước 16 giờ ngày 14/6/2021). Kiến nghị phải ghi rõ: tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, mã số cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự;
2. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón;
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp;
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường;
5. Giao tiếp hòa nhã, thân thiện; không được bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ tọa Đại hội;
6. Phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức;
7. Tuyệt đối tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ tọa.

CHƯƠNG II: TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5: Các vấn đề được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021;
2. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và kế hoạch hoạt động 2021;
3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2020 và kế hoạch SXKD 2021;
4. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
6. Mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao 2021;
7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
8. Thông qua các hợp đồng giao dịch với người có liên quan;
9. Thông qua dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty;
10. Thông qua dự thảo quy chế nội bộ về quản trị Công ty

11. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt của Hội đồng quản trị
12. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
13. Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026
13. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6: Đoàn chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn Chủ tịch, gồm có Chủ tịch (là Chủ tịch Hội đồng quản trị) và các thành viên do Chủ tịch giới thiệu. Chủ tịch là người chủ trì Đại hội (Chủ tọa). Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các qui chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp có người tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 7: Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho Đoàn Chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Thư ký có nhiệm vụ:
 - a) Ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của Đại hội.
 - b) Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c) Chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 04 người do Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM cử ra và có trách nhiệm:

1. Giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội;
2. Kiểm tra tư cách của cổ đông dự họp;
3. Phát phiếu biểu quyết cho Cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
4. Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 9: Ban kiểm phiếu

Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết;
2. Tổ chức kiểm phiếu biểu quyết;
3. Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện cổ đông;
4. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội, công bố kết quả biểu quyết;
5. Giao kết quả kiểm phiếu biểu quyết cho Đoàn Chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

Điều 10: Các quyền của Cổ đông

1. Cổ đông Công ty có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu do Ban tổ chức Đại hội quy định) cho 01 (một) người đại diện tham dự và phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cho các cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND (hoặc hộ chiếu), Giấy mời tham dự, Giấy ủy quyền tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và sẽ được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết để tham gia biểu quyết.

Cổ đông, đại diện cổ đông tới dự Đại hội muộn, được đăng ký và sau đó có quyền biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2. Cổ đông được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai thông tin về Chương trình Đại hội đồng cổ đông, được phát tài liệu liên quan đến nội dung Đại hội và có trách nhiệm:

- a) Tuân thủ Nội quy Đại hội.
- b) Phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức.
- c) Thảo luận các nội dung báo cáo.

d) Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

e) Chấp hành sự điều khiển của chủ tọa Đại hội.

CHƯƠNG III: THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ BIÊN BẢN ĐẠI HỘI

Điều 11: Thảo luận tại Đại hội

Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây:

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa chấp thuận cho phát biểu.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua để đảm bảo đại hội được tiến hành đúng như chương trình nghị sự đã thông qua, nội dung không bị vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn doanh nghiệp.

3. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp theo tuần tự và chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến trùng lặp với nhau thì Đoàn Chủ tịch sẽ chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông. Sau khi không còn ý kiến phát biểu của các cổ đông, Chủ tọa sẽ lần lượt trả lời ý kiến của từng cổ đông hoặc chỉ định người có trách nhiệm trong Ban điều hành Công ty trả lời các ý kiến này.

Điều 12: Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết :

a) Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện

b) Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ biểu quyết (màu hồng), 01 phiếu biểu quyết (màu trắng) trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

a) Biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết: Đối với những vấn đề như: thông qua chương trình nghị sự; thông qua việc đề cử các nhân sự phục vụ Đại hội như: Thông qua chương trình đại hội; Thông qua quy chế làm việc của Đại hội; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch; Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội, các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến:

tán thành hay không tán thành); những cổ đông không giao Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

b) Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

- Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết đề đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu "X" vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: "Đồng ý", "Không đồng ý" và "Không có ý kiến". Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

- Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 13: Biên bản Đại hội

Các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Biên bản và Nghị quyết phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT
- Lưu VT, PC&QHCD, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT- TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

Số: 546 /QC- HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2021-2026
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Chương I: Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- d) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 2. Đề cử, ứng cử viên Hội đồng quản trị:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND/Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn)/ Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Điều 4. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Chương II: Đề cử thành viên Ban kiểm soát

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- d) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 6. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Ban kiểm soát.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên Ban kiểm soát

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Ban kiểm soát (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn xin đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình đại hội cổ đông để bầu thành viên Ban kiểm soát.

Chương III: Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

Điều 9. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 10. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội, không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Điều 11. Phương thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Điều 12. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử

a. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;

- Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;

- Tiến hành kiểm phiếu;

- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

3. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội.

Điều 13. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

- Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Quy chế này.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát là ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;

+ Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát theo dự kiến do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 14. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 15. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Quy chế này gồm có 15 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, PC&QHCD, HDQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT- TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu:

Phiếu màu vàng: bầu thành viên Hội đồng quản trị

Phiếu màu xanh: bầu thành viên Ban kiểm soát

2. Bỏ phiếu:

- *Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.*

3. Ghi phiếu bầu:

- *Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát*

Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 05 thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 06 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

1.000 cổ phần x 5 = 5.000 Phiếu bầu.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông A chia đều số phiếu bầu của mình cho 05 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên được nhận 1.000 phiếu bầu)

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.000
4. Ứng viên 4	1.000
5. Ứng viên 5	1.000
6. Ứng viên 6	
Tổng số phiếu bầu	5.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết số phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (5000 phiếu bầu)

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	5.000

3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	0
5. Ứng viên 5	0
6. Ứng viên 6	0
Tổng số phiếu bầu	5.000

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho một số ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.500
3. Ứng viên 3	500
4. Ứng viên 4	0
5. Ứng viên 5	0
6. Ứng viên 6	0
Tổng số phiếu bầu	3.000

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa mà không có chữ ký nháy ở phần sửa đúng.
- Ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHDCĐ thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

Trường hợp 4: Phiếu bầu không hợp lệ do vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ

Họ tên ứng cử viên	Số quyền biểu quyết được bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	3.500
3. Ứng viên 3	2.500
4. Ứng viên 4	0
5. Ứng viên 5	0
6. Ứng viên 6	0
Tổng số phiếu bầu	6.000

Số: 478 /BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM, Hội đồng quản trị xin báo cáo công tác quản lý năm 2020 như sau:

PHẦN I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2020

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi:

- Năm 2020, Tổng sản phẩm quốc nội GDP nước ta vẫn duy trì được đà tăng đạt 2,91%, là một trong số ít nền kinh tế có mức tăng trưởng dương trên thế giới và khu vực, trong đó ngành xây dựng tăng trưởng 6,76%.
- Đối với toàn VICEM hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn ổn định, tổng sản phẩm sản xuất và tiêu thụ đạt 29,33 triệu tấn, bằng 100% kế hoạch năm 2020.
- Lãi suất vay ngắn hạn và trung hạn tại các tổ chức tín dụng ở mức thấp hơn những năm trước.
- Trong năm 2020, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 luôn là một tập thể có tính kế thừa, có tinh thần đoàn kết và thống nhất cao, coi trọng dân chủ và tu tập tập trung, luôn nhận được sự ủng hộ, đồng tình của tập thể cán bộ, công nhân viên lao động trong toàn Công ty, sự tin tưởng của các cổ đông và các nhà đầu tư.

2. Khó khăn:

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 kéo dài ngay từ đầu năm đến nay vẫn còn diễn biến phức tạp trên nhiều quốc gia, đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD trên thế giới, trong đó có Việt Nam;
- Thời tiết diễn biến bất thường và rất khó lường, mưa, bão, lũ lụt xảy ra liên tục nhất là khu vực miền Trung.
- Công ty chịu nhiều yếu tố bất lợi tác động đến hoạt động SXKD như:
 - + Than nhập khẩu nhiều, giá thấp hơn so với cùng chủng loại than nội địa, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng; các Công ty xi măng đã tập trung mua phần lớn than nhập khẩu và của các đối tác thương mại khác; thị phần cung cấp than của VICEM E&E giảm đi đáng kể.

+ Tồn kho than còn ở mức khá cao, tình hình thanh toán công nợ của các Công ty xi măng vẫn rất chậm, Công ty vẫn phải vay ngân hàng, làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

+ Dư nợ tiền mua than của các công ty xi măng đối với Công ty luôn giữ ở mức rất cao so với thỏa thuận trong hợp đồng đã ảnh hưởng đến cân đối tài chính và lợi nhuận của Công ty.

+ Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, thị trường bất động sản gần như đóng băng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh các sản phẩm bất động sản thuộc dự án tòa nhà COMATCE TOWER. Căn hộ tồn đọng chưa bán hết, diện tích Văn phòng trống còn ở mức cao

+ Nguồn hàng trong nước khan hiếm, dẫn đến nhu cầu vận tải thủy hạn chế, việc kinh doanh, dịch vụ vận tải đã triển khai nhưng thực hiện ở mức còn thấp.

+ Việc triển khai kinh doanh rác thải, bùn thải triển khai chậm do điều kiện kinh doanh nghiêm ngặt, thủ tục pháp lý chặt chẽ, rườm rà, là lĩnh vực hoàn toàn mới nên chưa có kinh nghiệm trong việc khai thác, xử lý nguồn hàng và tổ chức thực hiện.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020.

Trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, định hướng chiến lược của Tổng công ty Xi măng Việt Nam. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị công ty đã phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức, trên cơ sở đó đề ra nhiều biện pháp và định hướng đúng đắn trong lãnh đạo, quản lý và điều hành, làm tốt công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với các công ty thành viên trong VICEM và các đơn vị bạn hàng, nên đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác năm 2020. Cụ thể:

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	DVT	KH ĐHCĐ phần đầu 2020	KH 2020	TH năm 2020	%TH/ KH 2020
1	Sản lượng than mua vào	Tấn	-	576.234	589.660	102%
2	Sản lượng than bán ra	Tấn	720.000	644.447	639.906	99%
3	Doanh thu	Tỷ đ	1.888,032	1.548,246	1.504,096	97%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	16,495	7,355	8,432	115%
5	Lợi nhuận sau thuế *	Tỷ đ	13,196	5,884	2,024	34%
6	Nộp ngân sách	Tỷ đ	13,851	14,571	16,120	111%
7	Cổ tức	%	3	0	0	0%
8	Tiền lương BQ người LĐ	Trđ/ng/ tháng	-	14,3	14,3	100%

(*) Ghi chú: Năm 2020 ngoại trừ thuế TNDN phát sinh từ giao dịch liên kết thì Lợi nhuận sau thuế là 6,718 tỷ (đạt 114% kế hoạch 2020).

1. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Chức danh	Chi phúc lợi, KT...	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
Lê Xuân Khôi	Nguyên Chủ tịch HĐQT (Từ 19/10/2020)	18.000.000		60.000.000	33.647.895	111.647.895
Phạm Đức Cường	Chủ tịch HĐQT (Từ 19/10/2020)	5.000.000		12.000.000		17.000.000
Huỳnh Trung Hiếu	Nguyên Thành viên HĐQT (Từ 29/6/2020)	25.000.000	266.374.237	24.000.000	33.647.895	349.022.132
Trần Khắc Mạnh	TV HĐQT, TGD Cty (Từ 29/6/2020)	33.000.000	449.895.268	24.000.000		506.895.273
Phùng Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	37.000.000	475.696.179	48.000.000	24.034.211	584.730.390
Hoàng Vũ Thắng	Thành viên HĐQT	23.000.000		48.000.000	24.034.211	95.034.211
Trịnh Quang Hải	Thành viên HĐQT,	23.000.000		48.000.000	24.034.211	95.034.211

2. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường năm 2020 và tình hình thực tế của Công ty. Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất để xử lý những nội dung công việc thuộc thẩm quyền, tập trung chỉ đạo và có 41 nghị quyết, quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác. Cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	07/NQ-HĐQT	03/01/2020	Về việc thông qua hợp đồng cung cấp than với Công ty Cổ phần Vicem Bút Sơn năm 2020
2	08/NQ-HĐQT	06/01/2020	Về việc gia hạn HĐ với Công ty TNHH Long Sơn và ký HĐ với Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn năm 2020
3	29/NQ-HĐQT	09/01/2020	Về công tác cán bộ (bổ nhiệm Giám đốc Công ty)
4	140/NQ-HĐQT	08/02/2020	Phiên họp HĐQT Quý I năm 2020
5	141/NQ-HĐQT	08/02/2020	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
6	176/NQ-HĐQT	19/02/2020	Về việc ký hợp đồng cung cấp than với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai
7	196/NQ-HĐQT	28/02/2020	Về việc vay vốn Tổng công ty Xi măng Việt Nam.
8	244/NQ-HĐQT	11/03/2020	Về việc thực hiện Hệ thống thang bảng lương BHH/11
9	348/NQ-HĐQT	31/03/2020	Về việc gia hạn hợp đồng vận chuyển, bốc xếp, chi biến than
10	353/NQ-HĐQT	31/03/2020	Về việc ký Hợp đồng mua bán than với Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn
11	392/NQ-HĐQT	08/4/2020	Về việc rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026
12	401/NQ-HĐQT	10/4/2020	Về việc ký hợp đồng cung cấp than với Công ty TNHH

			MTV Xi măng Vicem Tam Điệp
13	454/NQ-HĐQT	23/4/2020	Về việc lùi thời gian tổ chức Đại hội ĐCĐTN 2020
14	492/NQ-HĐQT	04/5/2020	Về việc ký hợp đồng cung cấp than với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
15	516/NQ-HĐQT	07/5/2020	Về việc thống nhất danh sách điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021 và 2021-2026
16	531/NQ-HĐQT	11/5/2020	Về việc công tác cán bộ (b/c VICEM bổ nhiệm lại phó GD)
17	634/NQ-HĐQT	05/6/2020	Về việc công tác cán bộ (thôi giữ chức vụ KTI và bổ nhiệm lại Trưởng Phòng TCLD, Trưởng CN Hà Nam, Bim Sơn, Đoàn vận tải)
18	662/NQ-HĐQT	18/6/2020	Về việc tổ chức Đại hội ĐCĐTN năm 2020
19	704/NQ-HĐQT	27/6/2020	Về việc rút đơn xin từ nhiệm
20	756/NQ-HĐQT	02/7/2020	Về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Giám đốc Công ty
21	774/NQ-HĐQT	03/7/2020	Về việc ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2020
22	827/NQ-HĐQT	08/7/2020	Về việc thông qua các hợp đồng năm 2020 với Công ty TNHH Long Sơn
23	924/NQ-HĐQT	28/7/2020	Về việc phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2020
24	933/NQ-HĐQT	28/7/2020	Về việc thông qua HĐ 5a.1 với VICEM Hoàng Thạch
25	936/NQ-HĐQT	29/7/2020	Về việc vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động
26	1032/NQ-HĐQT	24/8/2020	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
27	1037/NQ-HĐQT	26/8/2020	Về việc công tác cán bộ (bổ nhiệm lại Trưởng CT Hải Phòng, trưởng VP đại diện Phú Thọ)
28	1065/NQ-HĐQT	03/9/2020	Phiên họp HĐQT Quý III năm 2020
29	1118/NQ-HĐQT	18/9/2020	Về việc vay vốn Tổng công ty Xi măng Việt Nam
30	1202/NQ-HĐQT	07/10/2020	Về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020
31	1224/NQ-HĐQT	15/10/2020	Về việc chi thưởng Người quản lý Công ty năm 2019
32	1235/NQ-HĐQT	19/10/2020	Về việc bầu chủ tịch Hội đồng quản trị
33	1265/NQ-HĐQT	29/10/2020	Về việc thông qua hợp đồng mua bán than 4b.2 với Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn
34	1303/NQ-HĐQT	05/11/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019
35	1338/NQ-HĐQT	17/11/2020	Về việc thông qua chủ trương Kế hoạch sản lượng năm 2021
36	1339/NQ-HĐQT	17/11/2020	Về việc công tác cán bộ
37	1340/NQ-HĐQT	17/11/2020	Phiên họp HĐQT Quý IV năm 2020
38	1428/NQ-HĐQT	10/12/2020	Về việc thông qua hợp đồng mua bán than với Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long
39	1454/NQ-HĐQT	16/12/2020	Về việc lùi thời gian chi trả cổ tức năm 2019

40	1483/NQ-HĐQT	24/12/2020	Về việc công tác cán bộ
41	1539/NQ-HĐQT	31/12/2020	Về gia hạn hợp đồng vận tải, bốc xếp và chế biến than năm 2020

3. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của Công ty

- Công ty ký hợp đồng vận chuyển than bốc xếp, thuê bãi năm 2018, 2019, 2020 với Công ty TNHH Long Sơn do ông Trịnh Quang Hải là Tổng Giám đốc. Ông Hải hiện là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 239/NQ-HĐQT ngày 01/02/2018, Nghị quyết số 319/NQ-HĐQT ngày 25/02/2019, Nghị quyết số 827/NQ-HĐQT ngày 08/07/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn do ông Lê Xuân Khôi là Chủ tịch HĐQT (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 353/NQ-HĐQT ngày 31/3/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty TNHH Xi măng Hoàng Thạch do ông Lê Xuân Khôi là Tổng Giám đốc (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 933/NQ-HĐQT ngày 28/7/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn do ông Phạm Đức Cường là Chủ tịch HĐQT (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 1265/NQ-HĐQT ngày 29/10/2020).

- Công ty ký hợp đồng cung cấp than năm 2020 với Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hạ Long do ông Phạm Đức Cường là Chủ tịch HĐQT (Việc ký kết hợp đồng đã được HĐQT Công ty thống nhất ra Nghị quyết số 1428/NQ-HĐQT ngày 10/12/2020).

- Công ty ký hợp đồng cho thuê 03 tàu trọng tải 1.623T với Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên do ông Lê Xuân Khôi làm Chủ tịch HĐQT. Việc ký kết hợp đồng đã được Hội đồng quản trị thống nhất ra Nghị quyết số 1578/NQ-HĐQT ngày 26/12/2019.

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

- Hoàn thành công việc theo sự phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp HĐQT và có ủy quyền biểu quyết khi vắng mặt.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

- Các thành viên trong HĐQT thực hiện nghiêm túc việc công khai thu lao, tiền lương và các lợi ích khác theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban.

6. Công tác giám sát hoạt động Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty

- Năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

- Thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết; tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty báo cáo, kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ được giao phụ trách.

- Năm 2020, Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty đã thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật; Ban điều hành đã có những giải pháp linh hoạt, kịp thời để khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

III. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 2020

- Năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phạm vi, trách nhiệm, trung thực; chỉ đạo ban Tổng Giám đốc thực hiện kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Tổng Giám đốc điều hành;

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc và các tổ chức đoàn thể;

- Các chỉ tiêu về SXKD 2020 được VICEM phê duyệt đã được thực hiện, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách đối với nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn, lợi ích của cổ đông, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo và ổn định;

Từ những kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá:
"Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2020".

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2021

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị công ty tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản năm 2021 như sau:

1. Các chỉ tiêu chính trong sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Sản lượng than bán ra: 650.000 tấn
- Tổng doanh thu: 1.553,558 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 8,786 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 13,949 tỷ đồng

- Thu nhập bình quân người lao động: 15 triệu đồng/người/tháng

2. Công tác sản xuất kinh doanh

- *Kinh doanh than*: Xác định trong năm 2021, kinh doanh than vẫn là mặt hàng chủ yếu, cốt lõi. Hội đồng quản trị thống nhất chỉ đạo công ty bám sát tình hình thị trường, tích cực tìm kiếm các nguồn than có giá cả hợp lý, chất lượng phù hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng than cám cho các công ty xi măng thuộc VICEM. Tổ chức chế biến than nhằm mục tiêu giảm lượng hàng tồn kho phù hợp với tình hình SXKD năm 2021 của Công ty; Tiếp tục chỉ đạo, rà soát xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, rà soát, tiết giảm các chi phí để đảm bảo giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong SXKD và tăng thị phần cung cấp than;

- *Kinh doanh BDS*:

+ Xây dựng chính sách bán hàng ưu đãi, triển khai bán hàng đa kênh trong công tác quảng cáo giới thiệu sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm căn hộ.

+ Không ngừng nâng cao chất lượng trong công tác quản lý vận hành tòa nhà tạo uy tín với khách hàng, tăng cường khai thác các dịch vụ để tăng nguồn thu, đảm bảo hiệu quả.

- *Các lĩnh vực kinh doanh khác*:

+ Đối với kinh doanh clinker: Tiếp tục triển khai mua clinker của các Công ty SXXM để thực hiện đối trừ công nợ giảm chi phí tài chính, tăng hiệu quả kinh doanh.

+ Đối với bùn thải: Tiếp tục bám sát tiến độ triển khai của VICEM với các sở ban ngành liên quan về xử lý bùn thải tại bãi Yên Sở. Tìm kiếm thêm các nguồn bùn thải khác để cung cấp cho các Công ty SXXM.

+ Tiếp tục tìm kiếm thêm các nguồn rác thải tại Hà Nội và các khu vực lân cận để bổ sung nguồn cung ổn định, đảm bảo chất lượng để cấp cho các NMXM.

+ Tiếp tục khai thác dịch vụ vận tải

2. Về công tác đầu tư:

Dự án ĐTXD Toà nhà Công ty CP Vật tư Vận tải Xi măng: Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình VICEM phê duyệt theo quy định.

3. Một số mặt công tác khác

- Chỉ đạo tổ chức tổng kết công tác 2020, phân tích hoạt động kinh tế, tìm các nguyên nhân thiếu sót, tồn tại và các biện pháp trong quản lý, điều hành nhằm hoàn thiện cơ chế và nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của Hội đồng quản trị Công ty; sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét;

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chương trình hành động phòng, chống tham nhũng theo các quy định của Pháp luật và theo chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam;

- Xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ tăng cường cho việc ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm kết quả công tác 2020 và phương hướng nhiệm vụ công tác 2021 của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục bám sát chức năng, quyền hạn, phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung sức mạnh trí tuệ và tinh thần đoàn kết để làm tốt hơn nữa công tác quản lý Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. Xin trân trọng cảm ơn./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN
NĂNG LƯỢNG VÀ
MÔI TRƯỜNG
VICEM
Đ. ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

Phạm Đức Cường

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem trong năm 2020 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các công tác đã thực hiện năm 2020:

1.1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát.

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý với đầy đủ các thành viên tham gia để phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát, tổng kết công tác kỳ trước và triển khai công việc kỳ tiếp theo. Trong năm 2020 thông qua các cuộc họp định kỳ ban kiểm soát đã đưa ra những kết luận và kiến nghị sau:

+Thông nhất phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát và các chương trình kế hoạch hoạt động của ban.

+Thông qua kết quả thẩm định BCTC năm 2019, soát xét BCTC hàng quý/2020 và thẩm định BCTC 6 tháng/2020. Ban kiểm soát thống nhất với các ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán An Việt đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty.

+Thông nhất các ý kiến tham gia vào việc sửa đổi Điều lệ, các Quy chế, quy định và một số hợp đồng... của Công ty.

+Thông nhất tham gia một số kiến nghị với Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo Công ty.

+Ban kiểm soát có kiến nghị ban lãnh đạo Công ty xem xét cân đối mức tồn kho hợp lý trong điều kiện giá than không có xu hướng tăng mạnh và dòng tiền của Công ty đang gặp khó khăn do tồn kho hàng hóa bất động sản và dư nợ của các Công

ty Xi măng luôn ở mức cao. (Năm 2019 Công ty để tồn kho ở mức cao so với sản lượng tiêu thụ trung bình hàng tháng).

+Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo công ty chỉ đạo cân đối đưa ra các chính sách quảng bá, khuyến mại, cân đối mức giá căn hộ hợp lý phù hợp thị trường ở thời điểm hiện tại để đẩy nhanh việc bán căn hộ. Đồng thời chỉ đạo các bộ phận liên quan sát sao để khai thác tốt các dịch vụ tòa nhà Comatce Tower mang lại hiệu quả lớn hơn cho Công ty.

+Ban kiểm soát có kiến nghị ban lãnh đạo công ty xem xét đánh giá, cơ cấu lại hoạt động của Đoàn vận tải để đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

1.2. Hoạt động của ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia ý kiến, đưa ra những kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2020, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2020.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; phối hợp với phòng kế toán tài chính xem xét, phản hồi các ý kiến của kiểm toán Độc lập. Giám sát việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Tham gia cùng bộ phận pháp chế xây dựng, sửa đổi Điều lệ và một số Quy chế, quy định của Công ty. Phối hợp với bộ phận kiểm soát nội bộ đưa ra ý kiến góp ý cho các đơn vị trong quá trình thực hiện.

- Năm 2020, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ tài liệu các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động. Thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các lớp học bổ sung kiến thức, khóa đào tạo chuyên đề về quản lý tài chính, thuế nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời chế độ chính sách, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng, để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao. Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

2. Kế hoạch định hướng năm 2021

Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

Ban kiểm soát sẽ tham gia cùng bộ phận pháp chế xây dựng quy chế hoạt động của bộ phận Kiểm toán nội bộ và tăng cường phối hợp trong việc thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chuyên sâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các vấn đề cần xử lý nhanh, Hội đồng quản trị cũng đã thông qua theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, phân đầu thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020. Tuy nhiên trong năm 2020 là một năm khó khăn chung của nền kinh tế do dịch bệnh kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty:

+ Than nhập khẩu nhiều, giá thấp hơn so với cùng chủng loại than nội địa, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng; các Công ty xi măng đã tập trung mua phần lớn than nhập khẩu và của các đối tác thương mại khác, thị phần cung cấp than của VICEM E&E giảm đi đáng kể.

+ Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, thị trường bất động sản gần như đóng băng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh các sản phẩm bất động sản thuộc dự án tòa nhà COMATCE TOWER. Căn hộ tồn đọng chưa bán hết, diện tích Văn phòng trống còn ở mức cao.

+ Nguồn hàng trong nước khan hiếm, dẫn đến nhu cầu vận tải thủy hạn chế, việc kinh doanh, dịch vụ vận tải đã triển khai nhưng thực hiện ở mức còn thấp. Việc khai thác 03 tàu 800 tấn của Đoàn vận tải chưa đạt hiệu quả do trọng tải thấp, tàu cũ thường xuyên phải sửa chữa.

+ Việc triển khai kinh doanh rác thải, bùn thải triển khai chậm do điều kiện kinh doanh nghiêm ngặt, thủ tục pháp lý chặt chẽ, phức tạp và là lĩnh vực hoàn toàn mới nên Công ty chưa có kinh nghiệm trong việc khai thác, xử lý nguồn hàng cũng như tổ chức thực hiện.

Từ những khó khăn trên nên trong năm 2020 các chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận... của Công ty đều chưa hoàn thành so với kế hoạch ĐHCĐ giao. Tuy nhiên so với kế hoạch đã điều chỉnh, Công ty cũng đã hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản như: Sản lượng than bán ra, lợi nhuận, nộp ngân sách...

- Trong năm 2020 HĐQT đã tích cực chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty tìm giải pháp tính toán, cân đối mức giá căn hộ phù hợp với thị trường nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả, để có thể đẩy nhanh bán bán các hộ tòa nhà Comatce song tiến độ triển khai còn chưa đạt như kỳ vọng.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, Ban Tổng giám đốc đã quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty bám sát các nội dung của nghị quyết ĐHCĐ và HĐQT. Ban Tổng giám đốc đã hoạt động một cách chủ động, trách nhiệm cao bằng việc thực hiện các giải pháp về tổ chức nhân sự, tài chính kế toán, cơ chế kinh doanh, quảng cáo khuyến mại... trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2020 có nhiều khó khăn đối với Công ty: với kinh doanh than, các Công ty Sản xuất xi măng tăng cường mua than ngoài, giảm lượng nhập hàng của Công ty. Sản lượng thực hiện năm 2020 của Công ty đạt 639.906 tấn tương đương với 99% kế hoạch điều chỉnh năm và bằng 73% so với năm 2019. Tỷ lệ bán ra cho các Công ty SXXM chỉ đạt 75% so với sản lượng ký kết Hợp đồng.

Do dịch bệnh kéo dài nên đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mảng kinh doanh bất động sản của Công ty, số căn hộ bán ra trong năm đạt thấp, một số sản văn phòng xin chậm dứt trước thời hạn trong khi tìm kiếm khách hàng mới gặp rất nhiều khó khăn.

Ngoài ra lĩnh vực kinh doanh vận tải của Công ty chưa đạt hiệu quả cao do ảnh hưởng từ dịch bệnh nên nhu cầu vận chuyển hàng hóa giảm mạnh. Lĩnh vực kinh doanh rác thải, bùn thải là lĩnh vực kinh doanh mới nên Công ty đang còn gặp nhiều khó khăn về thủ tục pháp lý cũng như tìm các nguồn phù hợp với công nghệ của các Công ty Xi măng, do đó hiệu quả mang lại chưa đạt như kỳ vọng.

Mặc dù Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm mức tồn kho ở mức hợp lý, tổ chức tăng cường kiểm soát hao hụt, giảm chi phí xuống mức hợp lý, chi phí tài chính giảm mạnh, tăng cường thu hồi công nợ Tuy nhiên sản lượng than bán ra trong năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019 dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và mức

chỉ trả cổ tức cho cổ đông, chưa đạt kế hoạch phân đầu ĐHCĐ giao, song một số chỉ tiêu cơ bản vẫn đạt so với kế hoạch điều chỉnh như: sản lượng than bán ra, lợi nhuận, nộp ngân sách.

+ *Về công tác tài chính kế toán:* Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo tìm các biện pháp thu hồi công nợ, tuy nhiên dư nợ phải thu của các công ty xi măng vẫn vượt so với cam kết nên chi phí tài chính tuy đã giảm mạnh so với năm 2019 nhưng vẫn ở mức cao. Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty chủ yếu thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường đảm bảo nguồn vốn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ *Về công tác đầu tư kinh doanh bất động sản:* Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tích cực trong công tác truyền thông và đa dạng các chính sách chiết khấu, khuyến mại, cải tạo bổ sung thêm các tiện ích cho tòa nhà, xem xét cân đối lại giá căn hộ phù hợp thị trường... để đẩy nhanh việc bán hàng và cho thuê văn phòng. Trong năm 2020 do dịch bệnh kéo dài, thị trường kinh doanh bất động sản tăng trưởng thấp, thương hiệu của Công ty chưa đủ mạnh nên việc tiêu thụ căn hộ chưa đạt kế hoạch đề ra.

+ *Về công tác tổ chức nhân sự:* Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sắp xếp, định biên lao động, tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ thực tế của các phòng ban, đơn vị tại Công ty. Tuy nhiên trong một số lĩnh vực kinh doanh mới của Công ty trong thời gian tới vẫn cần bổ sung một số vị trí phù hợp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty đang xây dựng đề án tái cấu trúc: đánh giá, sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo định hướng chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

+ *Về công tác khác:*

Kinh doanh đoàn vận tải: Công ty đã tiến hành cho thuê 03 tàu 1.633 tấn tại thị trường phía Nam và mang lại hiệu quả cao hơn so với tự khai thác. Tuy nhiên việc khai thác 03 tàu 800 tấn chưa hiệu quả do trọng tải tàu thấp, tàu cũ thường xuyên phải sửa chữa, tàu vẫn chủ yếu khai thác trên những tuyến ngắn, vòng quay phương tiện thấp.

**Kinh doanh rác thải/bùn thải:* Trong năm 2020 Công ty đã triển khai cung cấp rác cho một số Công ty Xi măng sản lượng đạt 2.290 tấn bằng 145% kế hoạch. Đây là lĩnh vực kinh doanh mới nên Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn nguồn cung phù hợp với công nghệ đốt lò của các Công ty Xi măng cũng như việc cạnh tranh với các đơn vị cung cấp hiện tại.

**Bùn thải:* Hiện Công ty đang chờ chính sách hỗ trợ của Sở Xây dựng Hà Nội và tìm kiếm nguồn từ các đơn vị ở một số địa phương có chính sách hỗ trợ để cung cấp cho các Công ty Xi măng, đảm bảo lợi ích và hiệu quả cho các bên.

Trong năm 2020, còn có một số công tác Ban điều hành chưa thực hiện tốt:

- Ban điều hành đã triển khai nhiều biện pháp nhằm bán căn hộ và cho thuê văn phòng tại dự án tòa nhà COMATCE Tower nhưng tiến độ bán căn hộ còn chậm.
- Công tác điều hành kinh doanh đối với 03 tàu 800 tấn thuộc Đoàn vận tải chưa thật tốt, chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Các Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2020, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2020 theo BCTC như sau:

Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch phần đầu ĐHCĐ giao	Kế hoạch 2020 (điều chỉnh)	Thực hiện 2020	TH/KH 2020	TH2020 /TH2019
1. Tổng doanh thu	Tỷ đ	2.176	1.888	1.548	1.504	97%	69%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	16,39	16,49	7,35	8,432	115%	51%
3. Nộp ngân sách	Tỷ đ	21,15	13,85	14,57	16,12	111%	76%
4. Cổ tức (dự kiến)	%	3%	3%	0	0		0%

- Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD phần đầu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, nhưng so với kế hoạch điều chỉnh, một số chỉ tiêu cơ bản như Doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đạt kế hoạch điều chỉnh. Năm 2020 là năm khó khăn chung của nền kinh tế nên các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều giảm mạnh so với năm 2019.

3. Tình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020.

3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	24,6%	28,6%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	75,4%	71,4%
2. Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,4%	57,3%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	36,6%	42,7%
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,88
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,37

4. Tỷ suất sinh lời			
- Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	%	0,6	0,13
- Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%		
Trong đó: VCSH = Vốn góp CSH + Quỹ ĐTPT		3,23	0,5

Đánh giá chung: cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty có biến động nhẹ so với năm 2019. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản giảm nhẹ so với năm 2019 chủ yếu do trong năm 2020 Công ty đã thực hiện giảm tồn kho đối với mặt hàng than, trong khi tài sản dài hạn trong năm không biến động nhiều. Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn giảm; khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh trong năm 2020 được đảm bảo an toàn và có xu hướng tăng lên. Chi phí lãi vay năm 2020 là 27,6 tỷ, bằng 54,4% so với năm 2019 (50,7 tỷ), trong khi doanh thu năm 2020 bằng 69% so với 2019 cho thấy chi phí lãi vay trong năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019, trong năm Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm chi phí ở mức hợp lý, giảm tồn kho đối với mặt hàng than, tăng cường kiểm soát hao hụt từ đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều giảm đáng kể. Nhưng xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu năm 2020 đều giảm so với năm 2019, nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm là do sản lượng than tiêu thụ trong năm 2020 giảm mạnh, chỉ đạt 73% so với cùng kỳ năm 2019.

Năm 2020, do phát sinh thuế TNDN từ giao dịch liên kết theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP quy định quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết dẫn đến LNST của Công ty giảm mạnh; nếu loại trừ ảnh hưởng của thuế TNDN từ giao dịch liên kết thì LNST năm 2020 đạt 6,718 tỷ đồng; LNST/DT thuần đạt 0,45 %; LNST/VCSH bình quân đạt 1,68%.

3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020.

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn là 1,37 lần, tỷ lệ này cho thấy Công ty đang đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 1,34 lần, giảm so với đầu năm và <3. Tỷ lệ này là phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của Công ty.
- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2020 là 398,05 tỷ đồng, bằng 26,5% doanh thu 2020 của Công ty. Tỷ lệ khoản phải thu khách hàng của Công ty là tương đối cao, cho thấy Công ty đang bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng.
- Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2020 là 240,97 tỷ đồng, so với đầu năm là 371,9 tỷ đồng. Hàng tồn kho giảm chủ yếu do giảm tồn kho mặt hàng than cám, trong khi thành phẩm bất động sản tồn kho hình thành từ các căn hộ tòa nhà Comatce Tower trong năm 2020 không giảm nhiều.
- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 355,5 tỷ đồng, so với đầu năm là 603,5 tỷ đồng. Vay ngắn hạn có xu hướng giảm do trong năm Công ty đã giảm mức tồn kho xuống mức hợp lý, mặt khác tình hình tiêu thụ than giảm nên chi phí vốn giảm. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều dẫn đến dư nợ vay ngắn hạn còn cao.
- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2020 là 0,044 tỷ đồng so với đầu năm là 0,57 tỷ đồng, đây là khoản vay tài trợ cho tài sản cố định thuê tài chính của Công ty.

V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 và trả cổ tức cho Cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Công ty đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với tỉ lệ 3%.

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Công ty đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3. Trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020.

- Công ty đã thực hiện trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát năm 2020: 528.536.130 đ:

+Trưởng ban kiểm soát chuyên trách (hưởng lương tương đương chức danh trưởng phòng của Công ty: 456.536.130 đ.

+Thù lao 02 thành viên Ban kiểm soát: 72.000.000 đ.

4. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020: Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, mức chi trả cổ tức năm 2020 đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020, tuy nhiên so với chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh thì Công ty hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản như sản lượng bán ra, lợi nhuận, nộp ngân sách.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có giải pháp triển khai nhanh việc bán các căn hộ thuộc tòa nhà Comattee Tower nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, tạo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có những giải pháp, chính sách để các Công ty Xi măng tăng sản lượng mua than của Vicem E&E.

3. Đề nghị ban lãnh đạo Công ty đánh giá, xem xét cơ cấu lại Đoàn vận tải để đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

4. Đề nghị Giám đốc Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác bán hàng, quản trị hàng tồn kho và tích cực thu hồi, kiểm soát công nợ để giảm vốn bị chiếm dụng, tăng vòng quay vốn lưu động, để giảm thiểu chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh góp phần tăng năng suất lao động, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

VII. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và ĐHCĐ đã giao.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện và kết quả kiểm soát trong năm 2020.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
Trưởng Ban



Nguyễn Thị Thu Hà

Số: 428 /NL&MT-KTKH

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Phần thứ nhất KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, Công ty triển khai thực hiện kế hoạch SXKD trong điều kiện có nhiều yếu tố tác động, trong đó có cả thuận lợi và khó khăn, có cả những yếu tố khách quan và chủ quan.

1. Những thuận lợi cơ bản

- Tổng sản phẩm quốc nội GDP nước ta vẫn duy trì được đà tăng đạt 2,91%.
- Lãi suất cho vay ngắn hạn và trung hạn ở mức thấp hơn những năm trước.
- Toàn ngành xi măng nhìn chung có sự tăng trưởng, trong đó năm 2020, VICEM sản xuất và tiêu thụ xi măng đều ổn định, sản xuất 21,7 triệu tấn clinker, tăng 1,7% so với năm 2019, do vậy nhu cầu sử dụng than cám cho sản xuất xi măng vẫn duy trì ở mức cao.
- Nguồn than khá dồi dào, do nguồn than nhập khẩu lớn, tồn kho của TKV ở mức cao.

2. Những khó khăn

- Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 kéo dài ngay từ đầu năm đến nay vẫn còn diễn biến phức tạp trên nhiều quốc gia, đã ảnh hưởng đến hoạt động SXKD trên thế giới, trong đó có Việt Nam; thời tiết diễn biến bất thường và rất khó lường, mưa, bão, lũ lụt xảy ra liên tục nhất là khu vực miền Trung.
- Than nhập khẩu nhiều, giá thấp hơn so với cùng chủng loại than nội địa, dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng; các Công ty xi măng đã tập trung mua phần lớn than nhập khẩu và của các đối tác thương mại khác, thị phần cung cấp than của VICEM E&E giảm đi đáng kể.
- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, thị trường bất động sản gần như đóng băng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc kinh doanh các sản phẩm bất động sản thuộc dự án tòa nhà COMATCE TOWER. Căn hộ tồn đọng chưa bán hết, diện tích Văn phòng trống còn ở mức cao.
- Nguồn hàng trong nước khan hiếm, dẫn đến nhu cầu vận tải thủy hạn chế, việc kinh doanh, dịch vụ vận tải đã triển khai nhưng thực hiện ở mức còn thấp.
- Việc triển khai kinh doanh rác thải, bùn thải triển khai chậm do điều kiện kinh doanh nghiêm ngặt, thủ tục pháp lý chặt chẽ, rườm rà, là lĩnh vực hoàn toàn mới nên chưa có kinh nghiệm trong việc khai thác, xử lý nguồn hàng và tổ chức thực hiện.
- Tồn kho than còn ở mức khá cao, tình hình thanh toán công nợ của các Công ty xi măng vẫn rất chậm, Công ty vẫn phải vay ngân hàng, làm tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên trong bối cảnh có nhiều khó khăn thách thức, song tập thể từ Đảng ủy, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, cùng người lao động trong Công ty đã có nhiều cố gắng, thi đua, tìm các biện pháp thiết thực nhất để tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu KQ SXKD năm 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2020	Năm 2020		Năm 2019	
			TH	(%)	TH	(%)
Kinh doanh than	Tấn					
Than cám mua vào	Tấn	576.234	589.660	102%	874.529	67%
Than cám bán ra	Tấn	644.447	639.906	99%	882.101	73%
Kinh doanh rác thải, bùn thải	Tấn	1.579	2.290	145%	-	-
Kinh doanh Clinker	Tấn	-	30.781	-	-	-
Vận chuyển thuê	Tấn	28.967	42.254	146%	-	-
Tài chính						
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.548	1.504	97%	2.176	69%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,35	8,43	115%	16,39	51%
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	14,57	16,12	111%	21,15	76%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	28,00	27,51	98%	50,55	56%
EBITDA	Tỷ đồng	47,56	48,24	101%	78,26	62%
ROA	%	0,58%	0,20%	34%	1%	20%
ROS	%	0,38%	0,13%	34%	0,59%	22%
ROE	%	1,47%	0,51%	34%	3,23%	16%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	3%	-	-	3%	-

- Năm 2020, tổng doanh thu của công ty đạt 1.504 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 8,43 tỷ đồng bằng 115% kế hoạch, nộp ngân sách 16,12 tỷ đồng bằng 111% so với kế hoạch.

2. Công tác tiêu thụ:

2.1. Kinh doanh Than:

a) Sản lượng mua năm 2020:

Sản lượng than mua vào năm 2020 đạt 589.660 tấn bằng 67% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do:

- + Sản lượng tiêu thụ thấp hơn so cùng kỳ.
- + Giá bán, chính sách thanh toán khi sử dụng nguồn TKV đưa vào chế biến với chủng loại than tồn cũ hiệu quả thấp dẫn đến sản lượng lấy qua TKV giảm hơn so với năm trước. Công ty đã cân đối thêm các nguồn than khác để đảm bảo lợi nhuận.
- + Công ty cân đối giảm tối đa hàng tồn kho.

b) Thực hiện sản lượng bán ra:



Đơn vị: tấn

TT	Các đơn vị cung cấp	Hợp đồng	TH 2020	% TH so với HD	TH 2019	
					TH	%
1	XM Hoàng Thạch	220.000	250.244	114%	195.252	128%
2	XM Hải Phòng	45.000	41.566	92%	99.265	42%
3	XM Bút Sơn	117.500	88.881	76%	199.200	45%
4	XM Bim Sơn	113.243	89.259	79%	140.579	63%
5	XM Hoàng Mai	50.000	33.748	67%	60.785	56%
6	XM Tam Điệp	168.900	66.443	39%	75.150	88%
7	XM Hạ Long	135.262	69.765	52%	83.518	84%
8	XM Hải Vân	-	-	-	-	-
9	XM Sông Thao	-	-	-	-	-
10	XM Hà Tiên	-	-	-	-	-
11	XM Nghi Sơn	-	-	-	-	-
	Tổng Bán	849.905	639.906	75%	882.099	73%

- Trong năm năm 2020, các Công ty Sản xuất xi măng tăng cường mua than ngoài, giảm lượng nhập hàng của Công ty. Sản lượng thực hiện năm 2020 của Công ty đạt 639.906 tấn tương đương với 99% kế hoạch điều chỉnh năm và bằng 73% so với năm 2019.
- Công ty SXXM vẫn tiếp tục tình trạng không xác báo và mua than theo sản lượng đã ký hợp đồng (đặc biệt là những đơn vị đấu thầu rộng rãi) tiếp nhận không đầy đủ sản lượng bình quân đã ký kết hợp đồng và đấu thầu, một số đơn vị chuyển chủng loại than, không sử dụng chủng loại than đã đấu thầu đầu năm hoặc không xác báo theo tháng chỉ xác báo nhận hàng khi phát sinh nhu cầu gây khó khăn cho VICEM E&E trong việc chủ động nguồn hàng và phương tiện. Tỷ lệ bán ra cho các Công ty SXXM chỉ đạt 75% so với sản lượng ký kết Hợp đồng.
- VICEM E&E đã có văn bản đề nghị các đơn vị thực hiện sản lượng theo hợp đồng, tuy nhiên vẫn không được cải thiện nhiều trong năm 2020.
- Do nguồn cung dồi dào, giá than nhập khẩu trong năm 2020 thấp hơn so với cùng chủng loại than nội địa, do đó các Công ty SXXM tăng cường mua than nhập khẩu, thương mại để phục vụ sản xuất kinh doanh. Sản lượng nhập than của VICEM E&E chỉ chiếm khoảng 33% tổng nhu cầu của các Công ty SXXM.

Đơn vị: tấn

STT	Công ty SXXM	Mua ngoài 2020	Mua VICEM E&E 2020	Tổng mua của NMXM	Tỷ lệ
	Tổng	1.324.977	639.906	1.964.888	33%
1	Hoàng Thạch	171.007	250.244	421.252	59%
2	Hải Phòng	123.000	41.566	164.566	25%
3	Bút Sơn	259.300	88.881	348.180	26%
4	Bim Sơn	315.500	89.259	404.759	22%
5	Hoàng Mai	157.274	33.748	191.021	18%
6	Tam Điệp	125.538	66.443	191.984	35%
7	Hạ Long	173.358	69.765	243.124	29%

- Trong năm 2020 công ty đã nỗ lực điều tiết than giữa các bãi và áp dụng nhiều phương án chế biến để giảm tối đa hàng tồn kho. Tồn cuối kỳ năm 2020 đạt 70.877 tấn, giảm hơn 51.000 tấn, bằng 58% so với đầu năm 2020.
- Triển khai mua Clinker của các Công ty SXXM qua phương thức đối trừ công nợ từ quý IV năm 2020. Sản lượng clinker tiêu thụ đạt 30.781 tấn.
- Tăng cường khai thác dịch vụ vận tải. Khối lượng thực hiện Quý IV/2020: 28.652 tấn.

c) Công tác quản lý chất lượng:

- Kiểm soát tốt khối lượng, chất lượng hàng hóa khi giao vào các Công ty Xi măng 100% lượng được giao qua cân nhà máy và đảm bảo theo quy định của Hợp đồng và TCVN 8910 -2020.
- Các phương án chế biến của VICEM E&E đều đảm bảo hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu chất lượng cám 4a.1 bán cho các công ty SXXM, giảm hàng tồn kho tại bãi.

d. Công tác quản lý hao hụt năm 2020:

- Hao hụt toàn tuyến trong năm 2020 là 1.194 tấn, tương đương với tỷ lệ hao hụt là 0.17% thấp hơn định mức của công ty (0,3%).
- Tăng cường kiểm soát hành trình vận tải, niêm phong kẹp chì hàng hóa.

2.2. Kinh doanh Đoàn Vận tải

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2020	TH năm 2020	TH năm 2019	So sánh TH cùng kỳ (%)	So Sánh TH/KH 2020(%)
I	Khối lượng vận chuyển	308.200	85.704	256.872	33	28
1	Khối lượng vận chuyển than	254.200	67.506	145.552	46	27
2	Khối lượng vận chuyển thuê	54.000	18.198	111.321	16	34
II	Doanh thu	12.666	6.958	10.363	67	55
III	Chi phí	11.258	6.335	9.759	65	56
IV	Lợi nhuận	1.407	623	604	103	44

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên nhu cầu vận chuyển hàng hoá giảm mạnh. Khối lượng vận chuyển của Đoàn vận tải đạt 85.704 tấn, bằng 28% so với kế hoạch cả năm 2020, bằng 33% so với năm 2019. Lợi nhuận đạt: 623 triệu đồng. Trong đó, 03 đoàn trọng tải 800 tấn tập trung vận chuyển than nội bộ cho Công ty, 03 tàu 1.633 tấn đã bàn giao cho Công ty Logistics Vicem thuê từ Quý II/2020.
- Việc khai thác 03 tàu 800 tấn chưa hiệu quả do trọng tải tàu thấp, tàu cũ thường xuyên phải sửa chữa, tàu vẫn chủ yếu khai thác trên các tuyến ngắn, vòng quay phương tiện thấp do thời gian chờ đợi tại các đầu bến dài ngày.

2.3. Kinh doanh Bất động sản

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát từ đầu năm 2020 và diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế, làm ảnh hưởng trực tiếp và sụt giảm nghiêm trọng đến mảng kinh doanh bất động sản của Công ty. Một số sản vẫn phòng chầm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc không gia hạn thuê do không duy trì được kinh doanh trong khi việc tìm kiếm khách hàng mới cũng hết sức khó khăn, tình hình tiêu thụ căn hộ chậm, các căn hộ còn lại có diện tích lớn (144 m²) nên rất khó cạnh tranh với các tòa nhà khác trên địa bàn có thiết kế và diện tích phù hợp với thị hiếu và thu nhập của khách hàng.
- Công ty đã nỗ lực làm việc với các sản giao dịch bất động sản uy tín, kết hợp với quảng cáo, tiếp thị các sản phẩm, chính sách bán hàng mới hấp dẫn rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tìm kiếm, thu hút khách hàng.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản năm 2020 là 41,12 tỷ đồng trên kế hoạch 40,99 tỷ đồng (tương đương 100% KH). Trong đó:
 - + Số lượng căn hộ bán mới là 03 căn. Số căn hộ đã bán lũy kế đạt 72 căn trên tổng số 100 căn. Doanh thu bán căn hộ đạt 16,6 tỷ đồng.

- + Diện tích văn phòng cho thuê mới đạt 1.744 m², tuy nhiên diện tích văn phòng chấm dứt và hết hạn hợp đồng là 1.077 m². Diện tích cho thuê lũy kế 7.081 m² đạt tỷ lệ lấp đầy 76%. Doanh thu cho thuê văn phòng đạt 17,6 tỷ đồng.

2.4. Kinh doanh rác thải, bùn thải:

- Bùn thải: Hiện nay VICEM E&E và các đơn vị thành viên VICEM vẫn đang chờ các chính sách hỗ trợ của Sở Xây Dựng Hà Nội cho việc xử lý bùn tại Yên Sở. Đồng thời VICEM E&E tìm kiếm nguồn từ các đơn vị ở một số địa phương có chính sách hỗ trợ để cung cấp cho các đơn vị SXXM, đảm bảo lợi ích và hiệu quả cho các bên.
- Rác thải: Sau khi hoàn thành đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh tháng 7/2020, Công ty đã triển khai cấp rác thải cho Nhà máy xi măng thuộc VICEM như VICEM Hạ Long và VICEM Bút Sơn. Sản lượng cung cấp cả năm đạt 2.290 tấn, bằng 145% KH năm 2020 (1.579 tấn).
- Đây là lĩnh vực kinh doanh mới, bước đầu thâm nhập thị trường nên Công ty gặp một số khó khăn trong việc tìm kiếm lựa chọn nguồn rác thải phù hợp với công nghệ đốt lò của các nhà máy; cạnh tranh của các đơn vị cung cấp hiện tại và các hạn chế trong trữ lượng nguồn cung; đặc biệt là các yêu cầu trong quy cách sơ chế rác thải (rác thải phải được băm chặt đáp ứng kích thước tiêu chuẩn kỹ thuật) do đó sản lượng cung cấp bình quân chưa đạt kỳ vọng.

3. Công tác đầu tư xây dựng:

- Ngày 06/01/2021, Tổng Giám đốc đã trình HĐQT Công ty xem xét báo cáo VICEM để xin thỏa thuận phê duyệt quyết toán dự án.
- Dự án quyết toán còn chậm do:
 - + Tổ chức đấu thầu qua mạng, lựa chọn đơn vị tư vấn Thẩm tra quyết toán.
 - + Thời gian xem xét, giải trình với tư vấn thẩm tra mất nhiều thời gian do liên quan đến nhiều đơn vị như nhà thầu, tư vấn, kiểm toán...

4. Công tác quản lý tài chính, quản lý chi phí:

- Công ty đã thực hiện việc quản lý vốn, tài sản theo đúng quy định của Nhà nước, quản lý chặt chẽ và thu hồi kịp thời các khoản nợ phải thu do đó không có khoản nợ phải thu khó đòi, cân đối dòng tiền đảm bảo cho hoạt động kinh doanh mặc dù có những thời điểm rất khó khăn.
- Dư nợ bình quân của các Công ty xi măng năm 2020 khoảng 380 tỷ đồng giảm hơn so với năm 2019 (515 tỷ đồng) tuy nhiên vẫn còn ở mức cao so với khối lượng hàng nhập hàng tháng. Các Công ty xi măng không thanh toán công nợ theo cam kết hợp đồng, gây ảnh hưởng lớn tới việc cân đối tài chính của VICEM E&E.
- Các khoản phải thu khách hàng duy trì ở mức cao trong khi VICEM E&E vẫn phải thực hiện trả tiền đúng hạn cho các đơn vị cung cấp than khiến cho VICEM E&E buộc phải bỏ sung lượng tiền thiếu hụt thông qua việc vay vốn ngân hàng, làm tăng chi phí tài chính, giảm hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 355 tỷ đồng. Lãi vay vốn ngắn hạn năm 2020 khoảng 27,5 tỷ đồng giảm mạnh so với năm 2019 là 50,6 tỷ đồng. Lãi suất vay vốn bình quân là 5,8% năm. Lãi vay bình quân trên tấn than tiêu thụ năm 2020 là 42.975 đ/tấn, giảm đáng kể so với năm 2019 là 57.590 đ/tấn.

5. Công tác công nghệ thông tin:

- Công ty đang tiếp tục áp dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý hàng hóa.
- Triển khai áp dụng hóa đơn điện tử trong năm 2020.
- Gắn GPS trên phương tiện để kiểm soát hành trình.

6. Công tác kế hoạch chiến lược: Tiếp tục rà soát Đề án tái cơ cấu tổ chức Công ty phục vụ chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020-2025 báo cáo VICEM.

7. Công tác tổ chức - Lao động:

- Tình hình sử dụng lao động của Công ty thực hiện năm 2020 là 187 người/ Kế hoạch lao động năm 2020 đã được phê duyệt là 189 người.
- Công ty đã thực hiện đánh giá, rà soát bố trí sử dụng lao động hợp lý, thay đổi cách thức làm việc. Số lao động của Công ty đã được tinh giảm hàng năm, năng suất lao động được tăng lên. Hiện nay số lao động tại Công ty về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên một số lĩnh vực kinh doanh mở rộng của Công ty trong thời gian tới vẫn cần thiết bổ sung một số vị trí còn thiếu để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Rà soát tổng thể, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định về công tác tổ chức cán bộ, tiền lương nhằm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của công ty.

8. Công tác pháp chế và quản lý:

- Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thiện hồ sơ đổi tên Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng thành Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (06/7/2020).
- Đồng thời, Công ty đã xây dựng, bổ sung, sửa đổi và thay thế các văn bản không còn phù hợp với Quy định của Pháp luật hiện hành, của VICEM và tình hình SXKD của công ty:
 - + Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty vào tháng 7/2020.
 - + Quy chế, Quy định tại tòa nhà Comatce đã được Hội nghị nhà chung cư thông qua.

Phần thứ hai
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Nội dung	Đvt	Thực hiện 2020	KH 2021	So sánh	
					(+/-)	%
I	Kinh doanh					
A	Kinh doanh than					
1	Mua vào	Tấn	589.660	635.000	45,34	8%
2	Bán ra	Tấn	639.906	650.000	10,09	2%
B	Kinh doanh BĐS					
1	Bán căn hộ	Căn	3	10	7	233%
2	Cho thuê văn phòng	m ²	1.744	2.000	256	15%
C	Vận chuyển thuê	tấn	42.254	-		
D	Kinh doanh Rác thải, bùn thải	tấn	2.290	25.200	22.910	1000%
II	Tài chính	Tr.đ				
1	Tổng Doanh thu		1.504.096	1.553.558	49.462	3%
2	Lợi nhuận	"	8.432	8.786	354	4%
3	Lợi nhuận sau thuế	"	2.024	7.029	5.005	247%
4	Nộp ngân sách	"	16.121	13.949	(2.172)	(13%)
5	ROA	%	0,20	0,70	0,50	250%
6	ROE	%	0,51	1,76	1,25	245%
7	ROS	%	0,13	0,45	0,32	246%
8	EBITDA	Tr.đ	48.237	42.779	(5.458)	-11%
9	Tỷ lệ cổ tức	%	-	-	-	-
III	Lao động- tiền lương					
1	Tổng số lao động	Người	187	179	(8)	(4%)
2	Tiền lương bình quân	Trđ/ngt	14,3	15,0	0,7	5%

Ghi chú: Kế hoạch năm 2021 sau khi xử lý thuế TNDN phát sinh từ giao dịch liên kết năm 2021: LNST là 5.208 triệu đồng, ROE là 1,3%.

II. Nhận định thị trường năm 2021:

- Giá than thế giới được dự báo sẽ đạt ~ 90 USD/tấn vào thời điểm cuối quý I và duy trì ~ 85-90 USD/tấn đến hết năm 2021.
- Theo ước tính của S&P Global Platts, nhập khẩu than nhiệt của Việt Nam năm 2020 đạt khoảng 55 triệu tấn (+22% so với năm 2019) và tăng lên 55,2 triệu tấn vào năm 2021. Các công ty than tại Quảng Ninh đều cơ bản kết thúc việc khai thác lộ thiên, trong khi đó việc khai thác dưới hầm lò này càng phải xuống sâu trong điều kiện khó khăn hơn.
- Việt Nam cơ bản đã kiểm soát được tình hình dịch bệnh Covid-19, thị trường BĐS có được dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ trở lại trong năm 2021 nhờ sự thúc đẩy trong đầu tư công, đặc biệt là phát triển cơ sở hạ tầng.
- Hiện nay, theo trữ lượng rác thải Công ty đã khảo sát thì nguồn cung rác thô là chủ yếu và tập trung tại các khu công nghiệp tại Hà Nội và các tỉnh lân cận. Trong khi đó, các Công ty SXXM hiện nay mới chỉ nhập và xử lý được những nguồn rác có nguồn gốc từ vải, via giấy da...nên nguồn cung rác cho các Công ty SXXM còn nhiều hạn chế. Rác thô chưa có phương án xử lý phù hợp.

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện SXKD năm 2021:

1. Công tác kinh doanh:

a) Kinh doanh than:

- Bám sát định hướng của VICEM về nguồn than, làm việc với các nhà máy đảm bảo sản lượng tối thiểu 30% nhu cầu đăng ký của các nhà máy.
- Căn đối các nguồn hàng đảm bảo hiệu quả. Bám sát kế hoạch cấp hàng của TKV và các nhà cung cấp khác đảm bảo lấy tối đa sản lượng theo xác báo. Bên cạnh đó, tiếp tục tìm

kiểm thêm các nguồn than thương mại phù hợp phục vụ cấp thẳng theo nhu cầu các nhà máy.

- Công tác chế biến: Nhập đa dạng chủng loại than về kho bãi của công ty phục vụ công tác chế biến đảm bảo đủ nguồn chất lượng đáp ứng theo TCVN 8910:2020.
- Bám sát diễn biến thị trường than thế giới, đưa ra nhận định để điều chỉnh tăng giảm tồn kho hợp lý.
- Tăng cường triển khai công tác chế biến than giảm tồn kho than tại các bãi về mức tồn kho tối thiểu theo lộ trình từng tháng trong quý để giảm chi phí tài chính. Ưu tiên xử lý các loại than tồn cũ tại các bãi.
- Phối hợp đồng bộ giữa Chi nhánh và các phòng ban trong Công ty bám sát tiến độ nhập hàng, nắm chắc thị trường của từng khu vực, tiết giảm tối đa các chi phí để đảm bảo giá cung cấp than cạnh tranh, phương án kinh doanh phù hợp cho từng nhà máy.
- Tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn các đối tác vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, bảo hiểm hàng hóa và thuê dịch vụ chế biến đảm bảo tính minh bạch cũng như lựa chọn được những đối tác vận chuyển đảm bảo đầy đủ năng lực và giá cả cạnh tranh, ổn định trong xu hướng giá xăng dầu trong nước thường xuyên biến động. Đồng thời dần từng bước áp dụng công nghệ 4.0 vào định vị hành trình phương tiện.
- Điều hành tốt Công tác giao nhận hàng hóa cũng như công tác kiểm soát hàng hóa khâu vận chuyển để đảm bảo tốt chất lượng cũng như giảm tối đa chi phí hao hụt.
- Kiểm soát tốt quy trình kiểm tra chất lượng và kiểm soát chất lượng phương tiện vận tải đảm bảo ổn định chất lượng hàng hóa giữa hai đầu.

b) Kinh doanh Đoàn vận tải:

- Đánh giá hiệu quả kinh doanh, tình trạng kỹ thuật của 03 tàu 800 tấn để xây dựng phương án kinh doanh phù hợp, hiệu quả.
- Tiếp tục cho Công ty Logistic Vicem thuê và khai thác. Tiếp tục đàm phán để điều chỉnh giá thuê tàu, đảm bảo có hiệu quả chung cho toàn đoàn.

c) Kinh doanh Bất động sản và đầu tư xây dựng:

- Xây dựng chính sách bán hàng ưu đãi, triển khai bán hàng đa kênh trong công tác quảng cáo giới thiệu sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm căn hộ.
- Nhờ sự hỗ trợ của phòng Công nghệ thông tin và công đoàn VICEM để giới thiệu sản phẩm đến CBCNV toàn VICEM.
- Ký kết hợp đồng với sân môi giới có uy tín nhằm quảng bá sản phẩm của tòa nhà, thu hút khách hàng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng trong công tác quản lý vận hành tòa nhà tạo uy tín với khách hàng, tăng cường khai thác các dịch vụ để tăng nguồn thu, đảm bảo hiệu quả.

d) Các lĩnh vực kinh doanh khác:

- Đối với kinh doanh clinker: Tiếp tục triển khai mua clinker của các Công ty SXXM để thực hiện đối trừ công nợ giảm chi phí tài chính, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Đối với bùn thải: Tiếp tục bám sát tiến độ triển khai của VICEM với các sở ban ngành liên quan về xử lý bùn thải tại bãi Yên Sở. Tìm kiếm thêm các nguồn bùn thải khác để cung cấp cho các Công ty SXXM.
- Tiếp tục tìm kiếm thêm các nguồn rác thải tại Hà Nội và các khu vực lân cận để bổ sung nguồn cung ổn định, đảm bảo chất lượng để cấp cho các NMXM.
- Tiếp tục khai thác dịch vụ vận tải.

2. Công tác tài chính:

- Cân đối dòng tiền tối ưu đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng linh hoạt các chính sách tiền tệ, thuế của Chính phủ để tiết giảm chi phí tài chính.

- Điều hành tốt nguồn vốn ngắn hạn thông qua đẩy mạnh xây dựng mối quan hệ với các NMXM để thu hồi nợ, đồng thời làm việc với các Ngân hàng để được cấp tín dụng với lãi suất cạnh tranh.
- Thường xuyên rà soát, tiết kiệm các chi phí ở mức hợp lý; phân tích đánh giá hoạt động tài chính làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện.

3. Công tác tổ chức - lao động:

- Thực hiện công tác cán bộ về bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ theo quy định.
- Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 theo quy định.
- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực hiện có để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sắp xếp lao động hợp lý nâng cao năng suất, phấn đấu năng suất lao động tăng 8%, tiền lương tăng 5%.
- Duy trì ổn định việc làm và điều kiện làm việc của người lao động.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đề án tái cơ cấu công ty theo đề án Tái cơ cấu VICEM giai đoạn 2019-2025 đã được Bộ xây dựng phê duyệt.

4. Công tác Pháp chế:

- Bám sát quy định của pháp luật và chủ trương các Quy chế, Quy định của VICEM để xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định của Công ty không còn phù hợp.
- Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm nội bộ của Công ty.

5. Công tác khác:

- Tổ chức thành công hội nghị Tổng kết 2020, Hội nghị đại biểu người lao động, đại hội cổ đông thường niên theo tiến độ và thời gian quy định.
- Hoàn thiện đánh giá công tác ISO.
- Phát động thi đua năm 2021.
- Triển khai kế hoạch phòng chống lụt bão năm 2021.
- Thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ 2021.
- Tiếp tục nghiên cứu cập nhật các ứng dụng công nghệ mới vào phần mềm quản lý.
- Thực hiện tốt an sinh xã hội.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận: *2*
 -Như trên;
 -HDQT (để b/c);
 -Ban KS;
 -Lưu VT,KH.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Khắc Mạnh
Trần Khắc Mạnh

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Hà Nội, tháng 03 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Đức Cường	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19/10/2020)
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 19/10/2020)
Ông Trần Khắc Mạnh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2020)
Ông Trịnh Quang Hải	Ủy viên
Ông Phùng Thanh Hồng	Ủy viên
Ông Hoàng Vũ Thắng	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Trần Khắc Mạnh	Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/01/2020)
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 09/01/2020)
Ông Trịnh Công Giang	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc, *Handwritten signature*



Trần Khắc Mạnh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

11/5/2021 14:11

Số: 90/2021/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021



Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2909-2020-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		672.064.274.772	854.575.271.452
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.595.655.269	40.964.841.863
1. Tiền	111	5	4.595.655.269	40.964.841.863
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400.447.196.493	404.655.680.428
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	398.049.477.997	403.836.325.597
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		873.963.125	254.694.673
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.523.755.371	564.660.158
III. Hàng tồn kho	140		240.972.211.291	371.911.657.510
1. Hàng tồn kho	141	8	240.972.211.291	371.911.657.510
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.049.211.719	37.043.091.651
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	517.482.000	577.004.461
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		25.228.402.692	35.672.938.674
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	303.347.027	793.148.516
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		269.147.986.836	278.874.344.561
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		70.000.000	70.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	70.000.000	70.000.000
II. Tài sản cố định	220		24.414.160.263	27.278.482.212
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	22.343.592.861	24.757.832.897
- Nguyên giá	222		49.713.515.155	49.526.058.056
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.369.922.294)	(24.768.225.159)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	1.220.567.402	1.616.427.098
- Nguyên giá	225		2.375.158.182	2.375.158.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.154.590.780)	(758.731.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	850.000.000	904.222.217
- Nguyên giá	228		1.239.593.360	1.239.593.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(389.593.360)	(335.371.143)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	243.489.237.619	251.432.395.107
- Nguyên giá	231		266.460.609.965	265.251.812.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.971.372.346)	(13.819.417.342)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.174.588.954	93.467.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.174.588.954	81.213.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	12.253.403
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		941.212.261.608	1.133.449.616.013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		539.503.783.349	718.571.912.197
I. Nợ ngắn hạn	310		490.325.558.392	667.445.856.513
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	97.759.637.038	37.409.598.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		750.788.600	1.425.267.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.509.802.599	-
4. Phải trả người lao động	314		10.085.422.079	10.273.576.769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	557.281.606	1.537.062.355
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	3.149.063.975	2.670.060.428
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	13.767.129.308	9.113.583.151
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	355.525.000.000	603.525.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		221.433.187	1.491.707.987
II. Nợ dài hạn	330		49.178.224.957	51.126.055.684
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	17	47.316.880.641	48.544.409.871
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.817.594.316	2.012.895.813
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	43.750.000	568.750.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		401.708.478.259	414.877.703.816
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	401.708.478.259	414.877.703.816
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		311.998.250.000	311.998.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			311.998.250.000	311.998.250.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.686.191.024	87.686.191.024
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.024.037.235	15.193.262.792
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước			-	2.278.710.132
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.024.037.235	12.914.552.660
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		941.212.261.608	1.133.449.616.013

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng giám đốc






Lê Thị Thu Thủy

Trịnh Thị Hồng

Trần Khắc Mạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B02- DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.501.206.609.499	2.169.602.607.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.501.206.609.499	2.169.602.607.962
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.342.593.703.340	1.914.382.094.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		158.612.906.159	255.220.513.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.696.500.090	1.018.589.963
7. Chi phí tài chính	22	24	28.222.822.713	50.839.636.300
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.600.720.073	50.697.479.620
8. Chi phí bán hàng	25	25	90.919.922.977	154.914.837.811
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	33.748.033.784	38.386.846.344
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.418.626.775	12.097.783.062
11. Thu nhập khác	31	26	1.192.907.802	4.978.301.970
12. Chi phí khác	32	27	179.086.125	682.222.765
13. Lợi nhuận khác	40		1.013.821.677	4.296.079.205
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.432.448.452	16.393.862.267
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	6.396.157.814	3.479.309.607
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		12.253.403	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.024.037.235	12.914.552.660
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	65	338

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng giám đốc






Lê Thị Thu Thủy

Trịnh Thị Hồng

Trần Khắc Mạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.432.448.452	16.393.862.267
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.203.734.052	11.312.129.365
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.866.491)	(110.187.815)
- Chi phí lãi vay	06	27.600.720.073	50.697.479.620
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.197.036.086	78.293.283.437
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	15.142.821.406	267.235.785.998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	130.939.446.219	41.982.519.789
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	52.489.703.017	(23.107.086.207)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.033.832.654)	1.029.839.582
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.021.547.174)	(51.023.585.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(556.815.370)	(10.948.197.626)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.644.610.000)	(14.749.859.083)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	213.512.201.530	288.712.699.973
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.396.254.615)	(60.802.765.135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	50.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.866.491	60.187.815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.356.388.124)	(60.692.577.320)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.121.000.000.000	2.010.650.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.369.000.000.000)	(2.194.250.000.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(525.000.000)	(525.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(30.047.033.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(248.525.000.000)	(214.172.033.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(36.369.186.594)	13.848.089.203
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	40.964.841.863	27.116.752.660
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.595.655.269	40.964.841.863

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng giám đốc



Lê Thị Thu Thủy

Trịnh Thị Hồng

Trần Khắc Mạnh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24 tháng 04 năm 2006; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106352, thay đổi lần thứ 16 ngày 06/07/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 311.998.250.000 đồng, tương đương 31.199.825 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (than đá và nhiên liệu rắn khác);
- Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;
- Thu gom, xử lý rác thải, bùn thải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển, biển dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vệ sinh nhà cửa, Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Và các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tổ chức của Công ty bao gồm trụ sở chính tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch	Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh	Tổ 5 K12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
3	Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Số 20 đường Hà Nội, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
4	Văn phòng đại diện tại Phú Thọ	Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
5	Chi nhánh Công ty tại Bim Sơn	Số 6 đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6	Chi nhánh Công ty tại Hà Nam	Thôn La Mát, xã Kien Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai	Thôn Tân Sơn, xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
8	Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình	Số 2, Đường Hoàng Diệu, thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
9	Đoàn vận tải	Số 24, tổ 47 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
10	Văn phòng đại diện phía Nam	Số 25/1 đường số 4BK, phường Bình Khánh, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 15
Thiết bị văn phòng	03

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Thuê tài sản được xác định là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Công ty ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (nếu giá trị này thấp hơn giá trị hợp lý) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng

cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuế tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải (ô tô) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại chi nhánh Hải Phòng. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty bao gồm 06 sản thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm bất động sản đầu tư như sau:

	Năm
Quyền sử dụng đất (*)	-
Nhà cửa, vật kiến trúc	42,5
Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	10 - 15

(*): Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower của Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng;
- Chi phí liên quan đến hoạt động bán nhà qua sàn giao dịch bất động sản chờ phân bổ, được phân bổ vào kết quả kinh doanh phù hợp với doanh thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tắc (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán...

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê bất động sản đầu tư; được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; chiết khấu thanh toán; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- (b) Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).
- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống. Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nộp trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nộp trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoãn nộp trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoãn nộp trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phản quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	68.467.500	102.752.000
Tiền gửi ngân hàng	4.527.187.769	40.862.089.863
Cộng	4.595.655.269	40.964.841.863

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu khách hàng là bên liên quan	384.850.004.317	369.100.498.439
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	114.981.559.965	82.422.712.046
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	51.145.480.521	35.908.128.651
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	73.720.304.175	84.097.359.086
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	70.756.735.930	80.199.965.092
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	33.665.761.391	52.417.122.863
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	20.979.508.919	15.411.226.050
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	18.879.266.319	18.643.984.651
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	721.387.097	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.199.473.680	34.735.827.158
Cộng	398.049.477.997	403.836.325.597

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.523.755.371	-	564.660.158	-
Thuế thu nhập cá nhân	761.433.069	-	332.176.726	-
Tạm ứng	627.471.702	-	63.400.000	-
Phạt hao hụt hàng hóa	16.718.169	-	27.378.255	-
Phải thu khác	118.132.431	-	141.705.177	-
Dài hạn	70.000.000	-	70.000.000	-
Kỳ cược, kỳ quỹ	70.000.000	-	70.000.000	-
Cộng	1.593.755.371	-	634.660.158	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	95.927.215	-	200.253.944	-
Thành phẩm bất động sản (*)	87.454.454.864	-	99.920.619.680	-
Hàng hoá	153.421.829.212	-	271.790.783.886	-
Cộng	240.972.211.291	-	371.911.657.510	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*): Thành phẩm bất động sản của Công ty bao gồm giá trị xây dựng và quyền sử dụng đất phân bổ cho hàng hóa bất động sản là các căn hộ thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội ("Dự án"). Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã thực hiện quyết toán hoàn thành giá trị đầu tư của Dự án và đang chờ phê duyệt của các cấp có thẩm quyền. Giá trị đầu tư Dự án được Công ty tạm thời phân bổ vào giá thành thành phẩm bất động sản (căn hộ chung cư) và bất động sản đầu tư (phần sở hữu của Công ty dùng để cho thuê) theo tiêu thức được Kiểm toán nhà nước kiến nghị khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 tại Công ty; các điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty ghi nhận vào báo cáo tài chính sau khi có phê duyệt quyết toán Dự án của cấp có thẩm quyền. (Xem thêm Thuyết minh số 13).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	517.462.000	577.004.461
Chi phí mua bảo hiểm	165.803.722	282.526.354
Chi phí bán nhà dự án Dự án tòa nhà Comatce	216.942.444	294.478.107
Chi phí sửa chữa tàu	134.715.834	-
Dài hạn	1.174.588.954	81.213.839
Chi phí sửa chữa tàu	161.183.000	81.213.839
Chi phí lai đất tàu	704.000.000	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	309.405.954	-
Cộng	<u>1.692.050.954</u>	<u>658.218.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ										
Tại ngày 01/01/2020	6.671.167.988	3.196.620.838	39.334.825.594	323.443.636	49.526.058.056					
Mua trong năm	-	40.200.000	-	147.257.099	187.457.099					
Tại ngày 31/12/2020	6.671.167.988	3.236.820.838	39.334.825.594	470.700.735	49.713.515.155					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ										
Tại ngày 01/01/2020	5.431.259.489	1.809.213.179	17.228.333.208	299.419.263	24.768.225.159					
Khấu hao trong năm	186.782.323	453.168.748	1.923.196.524	38.549.540	2.601.697.135					
Tại ngày 31/12/2020	5.618.041.812	2.262.381.927	19.151.529.732	337.968.823	27.369.922.294					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI										
Tại ngày 01/01/2020	1.239.908.499	1.387.407.659	22.106.492.386	24.024.353	24.757.832.897					
Tại ngày 31/12/2020	1.053.126.176	974.438.911	20.183.295.862	132.731.912	22.343.592.861					
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	3.101.656.419	951.790.112	12.979.144.132	284.361.818	17.316.952.481					
Giá trị còn lại của TSCĐ cầm cố thế chấp	127.203.614	-	-	-	127.203.614					

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	2.375.158.182	2.375.158.182
Tại ngày 31/12/2020	2.375.158.182	2.375.158.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	758.731.084	758.731.084
Khấu hao trong năm	395.859.696	395.859.696
Tại ngày 31/12/2020	1.154.590.780	1.154.590.780
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	1.616.427.098	1.616.427.098
Tại ngày 31/12/2020	1.220.567.402	1.220.567.402

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	389.593.360	850.000.000	1.239.593.360
Tại ngày 31/12/2020	389.593.360	850.000.000	1.239.593.360
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	335.371.143	-	335.371.143
Khấu hao trong năm	54.222.217	-	54.222.217
Tại ngày 31/12/2020	389.593.360	-	389.593.360
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	54.222.217	850.000.000	904.222.217
Tại ngày 31/12/2020	-	850.000.000	850.000.000
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	389.593.360	-	389.593.360

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	265.251.812.449	1.208.797.516	-	266.460.609.965
Nhà cửa, vật kiến trúc	154.459.633.605	74.462.104	-	154.534.095.709
Cơ sở hạ tầng	59.846.190.802	-	-	59.846.190.802
Quyền sử dụng đất	50.945.988.042	1.134.335.412	-	52.080.323.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	13.819.417.342	9.151.955.004	-	22.971.372.346
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.311.056.620	3.642.997.800	-	9.954.054.420
Cơ sở hạ tầng	7.508.360.722	5.508.957.204	-	13.017.317.926
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	251.432.395.107	1.208.797.516	9.151.955.004	243.489.237.619
Nhà cửa, vật kiến trúc	148.148.576.985	74.462.104	3.642.997.800	144.580.041.289
Cơ sở hạ tầng	52.337.830.080	-	5.508.957.204	46.828.872.876
Quyền sử dụng đất	50.945.988.042	1.134.335.412	-	52.080.323.454

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty bao gồm 06 sản thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Giá trị tăng, giảm của các Bất động sản đầu tư được điều chỉnh do trong năm Công ty đã thực hiện quyết toán các gói thầu. (Xem thêm Thuyết minh số 08).

Ban Tổng giám đốc đánh giá hoạt động cho thuê Bất động sản đầu tư thuộc sở hữu của công ty đang mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Mặc dù hoạt động thị trường cho thuê văn phòng đang gặp khó khăn do dịch bệnh, Ban Tổng giám đốc tin tưởng tình hình sẽ sớm được phục hồi và cho rằng không có bất kỳ tổn thất nào đối với giá trị bất động sản đầu tư của công ty cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGĂN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả bên liên quan				
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	1.238.495.452	1.238.495.452	1.269.356.176	1.269.356.176
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	1.238.495.452	1.238.495.452	1.193.281.435	1.193.281.435
Phải trả các đối tượng khác	-	-	76.074.741	76.074.741
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	96.521.141.586	96.521.141.586	36.140.242.051	36.140.242.051
Công ty TNHH Long Sơn	19.903.386.160	19.903.386.160	17.633.673.836	17.633.673.836
Công ty TNHH Thiên Phú	8.473.748.364	8.473.748.364	2.345.050.934	2.345.050.934
Công ty Cổ phần Thương mại Khoáng sản Hải Bình	514.567.866	514.567.866	3.519.709.936	3.519.709.936
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Minh Đức	26.762.766.823	26.762.766.823	1.856.138.468	1.856.138.468
Phải trả cho các đối tượng khác	30.231.425.610	30.231.425.610	-	-
	10.635.246.763	10.635.246.763	10.785.668.877	10.785.668.877
Cộng	97.759.637.038	97.759.637.038	37.409.598.227	37.409.598.227

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020		Số phải nộp trong năm		Thuế phải nộp bổ sung theo ND 132/2020/ND-CP		Số đã nộp trong năm		31/12/2020	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	11.516.581.414	-	-	-	11.516.581.414	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(788.519.937)	4.170.511.799	5.684.626.107	-	5.684.626.107	556.815.370	-	8.509.802.599	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(4.628.579)	1.695.011.552	-	-	-	1.993.730.000	-	(303.347.027)	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.936.881.077	-	-	-	1.936.881.077	-	-	-	-
Các khoản khác	-	116.926.907	-	-	-	116.926.907	-	-	-	-
Cộng	(793.148.516)	19.435.912.749	5.684.626.107	16.120.934.768	5.684.626.107	16.120.934.768	8.206.455.572	8.206.455.572	8.206.455.572	8.206.455.572

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

793.148.516

303.347.027

8.509.802.599

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	359.140.295	779.967.396
Chi phí vận chuyển	183.508.039	637.094.959
Chi phí phải trả khác	14.633.272	120.000.000
Cộng	<u>557.281.606</u>	<u>1.537.062.355</u>

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty phản ánh tiền cho thuê văn phòng nhận trước của các khách hàng tại Dự án Comatce Tower. Số tiền cho thuê nhận trước từ 01 năm trở xuống được phân loại là doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, tiền cho thuê nhận trước từ trên 01 năm được phân loại là doanh thu chưa thực hiện dài hạn.

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	13.767.129.308	9.113.583.151
Kinh phí công đoàn	2.686.061	33.442.161
Bảo hiểm xã hội	110.191.148	3.611.477
Phải trả về cổ tức	12.166.620.447	2.806.672.947
Kinh phí bảo trì của Tòa nhà Comatce	-	5.862.115.608
Nhận đặt cọc, ký quỹ	1.296.758.107	256.925.239
Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.873.545	150.815.719
Dài hạn	1.817.594.316	2.012.895.813
Nhận đặt cọc, ký quỹ	1.817.594.316	2.012.895.813
Cộng	<u>15.584.723.624</u>	<u>11.126.478.964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÀU SỐ B09 - DN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	603.525.000.000	603.525.000.000	1.121.525.000.000	1.369.525.000.000	355.525.000.000	355.525.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1)	272.400.000.000	272.400.000.000	357.100.000.000	500.100.000.000	129.400.000.000	129.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (2)	-	-	421.200.000.000	195.600.000.000	225.600.000.000	225.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	131.400.000.000	131.400.000.000	127.200.000.000	258.600.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	147.200.000.000	147.200.000.000	-	147.200.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	25.500.000.000	25.500.000.000	165.500.000.000	191.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội	26.500.000.000	26.500.000.000	-	26.500.000.000	-	-
- Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	525.000.000	525.000.000	525.000.000	525.000.000	525.000.000	525.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (3)	568.750.000	568.750.000	-	525.000.000	43.750.000	43.750.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (3)	568.750.000	568.750.000	-	525.000.000	43.750.000	43.750.000
Cộng	604.093.750.000	604.093.750.000	1.121.525.000.000	1.370.050.000.000	355.568.750.000	355.568.750.000

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-VICEM VTV ngày 16/12/2019 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại than. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 16/12/2019 đến ngày 16/12/2020. Các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ có thời hạn không quá 5 tháng. Lãi suất và lịch trả nợ được xác định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay số 01/2019-HĐCV-SBBS01/NHCT128-VICEM VTV ngày 17/11/2020 sửa đổi hạn mức cho vay là 150 tỷ đồng, hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016-HĐTC/NHCT128-VICEM ngày 01/04/2016, tài sản đảm bảo là trụ sở làm việc, nhà ăn và các kiot tại văn phòng công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/1373916/HĐTD ngày 24/12/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, hạn mức cấp tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 395.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/11/2021, thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng kế ước cụ thể. Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho, khoản phải thu hình thành từ vốn vay BIDV, đảm bảo tối thiểu 100% dư nợ có đủ vật tư đảm bảo nợ vay tại mọi thời điểm. Sau thời điểm 30/06/2021, Công ty cần đáp ứng đúng quy định về chính sách cấp tín dụng của BIDV tại thời điểm đó.
- (3) Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01007/2018/TSC-CTTC ngày 26/01/2018. Giá trị tài sản cho thuê là ô tô Toyota Landcruiser Prado 30F-053.85 trị giá 2.581.180.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Kể từ ngày lãi suất hết hiệu lực, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Bên cho thuê tài chính cộng 2,5%/năm nhưng ko thấp hơn lãi suất sản cho vay trung hạn của Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày tài sản được bàn giao. Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng là việc Bên thuê chuyển cho Bên cho thuê tài chính số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng.

Kế hoạch trả các khoản nợ dài hạn chi tiết:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	525.000.000	525.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	43.750.000	568.750.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	568.750.000	1.093.750.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	525.000.000	525.000.000
Vay và nợ dài hạn	43.750.000	568.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành về cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09 - DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	311.998.250.000	87.686.191.024	41.608.181.963	441.292.622.987
Lãi trong năm	-	-	12.914.552.660	12.914.552.660
Trích lập các quỹ	-	-	(8.129.646.831)	(8.129.646.831)
Chia cổ tức	-	-	(31.199.825.000)	(31.199.825.000)
Tại ngày 01/01/2020	311.998.250.000	87.686.191.024	15.193.262.792	414.877.703.816
Lãi trong năm	-	-	2.024.037.235	2.024.037.235
Trích lập các quỹ (*)	-	-	(2.374.335.200)	(2.374.335.200)
Chia cổ tức (*)	-	-	(9.359.947.500)	(9.359.947.500)
Giảm khác (**)	-	-	(3.458.980.092)	(3.458.980.092)
Tại ngày 31/12/2020	311.998.250.000	87.686.191.024	2.024.037.235	401.708.478.259

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 715/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2019 được phân phối như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 2.374.335.200 đồng, trong đó thường Ban điều hành 182.660.000 đồng và thưởng người lao động 2.191.675.200 đồng.
- Chia cổ tức (tỷ lệ 3%): 9.359.947.500 đồng.

(**) Trong năm, Công ty đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của năm trước theo qui định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, sau khi sử dụng Lợi nhuận chưa phân phối năm trước để bù đắp số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung với số tiền 3.458.980.092 đồng, số thuế phải nộp còn lại được ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020. Xem thêm Thuyết minh số 28.

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2020	01/01/2020
	góp vốn		
	%	VND	VND
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	62,95	196.417.210.000	196.417.210.000
Các cổ đông khác	37,05	115.581.040.000	115.581.040.000
Cộng	100	311.998.250.000	311.998.250.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	311.998.250.000	311.998.250.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	311.998.250.000	311.998.250.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.359.947.500	31.199.825.000

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.199.825
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.199.825	31.199.825
- Cổ phiếu phổ thông	31.199.825	31.199.825
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.199.825	31.199.825
- Cổ phiếu phổ thông	31.199.825	31.199.825
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	1.453.804.938.093	2.078.763.366.041
Doanh thu bán bất động sản	16.556.750.082	61.657.229.388
Doanh thu cho thuê nhà, văn phòng làm việc	18.497.366.799	19.354.984.964
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	12.347.554.525	9.827.027.569
Cộng	1.501.206.609.499	2.169.602.607.962

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	213.235.316.292	353.349.368.840
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	546.768.567.493	445.131.114.287
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	201.205.991.868	469.956.099.086
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	153.709.748.724	179.981.614.465
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	149.482.237.900	189.341.376.774
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	90.758.393.974	227.933.482.899
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	78.708.637.698	146.919.398.790
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	3.349.677.420	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.317.161.629.865	1.854.503.509.083
Giá vốn thành phẩm bất động sản	12.566.483.570	46.972.555.763
Giá vốn cho thuê nhà, văn phòng làm việc	10.639.291.751	8.393.024.467
Giá vốn dịch vụ khác	2.226.298.154	4.513.005.095
Cộng	1.342.593.703.340	1.914.382.094.408

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.866.491	60.187.815
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.407.055
Chiết khấu thanh toán được hưởng	135.812.930	956.995.093
Doanh thu tài chính khác	1.520.820.669	-
Cộng	1.696.500.090	1.018.589.963

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.600.720.073	50.697.479.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	2.710.752
Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	622.102.640	139.445.928
Cộng	28.222.822.713	50.839.636.300

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí bán hàng	90.919.922.977	154.914.837.811
Chi phí nhân công	17.274.224.626	19.586.754.961
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.264.768.030	2.759.945.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.273.974.158	2.308.964.670
Chi phí vận chuyển	52.617.243.120	101.220.489.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.584.945.161	10.751.886.808
Chi phí khác	10.904.767.882	18.286.795.983
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.748.033.784	38.386.846.344
Chi phí nhân công	19.567.133.344	19.409.108.230
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	298.623.139	274.755.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	557.491.924	610.140.228
Thuế, phí và lệ phí	2.007.923.466	1.786.281.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.338.641.184	1.978.890.697
Chi phí khác	9.978.220.727	14.327.670.693
Cộng	124.667.956.761	193.301.684.155

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	50.000.000
Tiền phạt, bồi thường thu được	929.101.880	3.204.460.066
Các khoản khác (thu đổi nhật, ...)	263.805.922	1.723.841.904
Cộng	1.192.907.802	4.978.301.970

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	42.149.255	175.698.738
Các khoản khác (phạt đổi nhật, phí gom vét than...)	136.936.870	506.524.027
Cộng	179.086.125	682.222.765

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.432.448.452	16.393.862.267
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	12.481.377.557	1.002.685.768
- Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	12.481.377.557	1.002.685.768
+ Tiền phạt vi phạm	10.869.736	173.492.738
+ Các khoản chi ứng hộ	-	700.000.000
+ Chi phí lãi vay	12.341.314.791	-
+ Chi phí khác	129.193.030	129.193.030
Tổng Thu nhập chịu thuế	20.913.826.009	17.396.548.035
<i>Trong đó chi tiết theo hoạt động :</i>		
Hoạt động chuyển nhượng Bất động sản (BDS)		
- Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng BDS	961.982.821	11.868.042.365
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (a)	192.396.564	2.373.608.473
Hoạt động kinh doanh thông thường		
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	19.951.843.188	5.528.505.670
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (b)	3.990.368.638	1.105.701.134
Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ thu tiền các hợp đồng mua bán căn hộ (c)	-	-
Thuế TNDN 1% đã nộp được hoàn (d)	(12.253.403)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (e)=(a+b+c+d)	4.170.511.799	3.479.309.607
Thuế TNDN các năm trước (g)	2.225.646.015	-
Thuế TNDN hiện hành (e+g)	6.396.157.814	3.479.309.607

Công ty tạm xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của năm trước theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, với số tiền là 5.684.626.107 đồng. Trong đó, sử dụng Lợi nhuận chưa phân phối năm trước để bù đắp với số tiền 3.458.980.092 đồng, số tiền còn lại 2.225.646.015 đồng được ghi nhận vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

năm 2020, việc sử dụng lợi nhuận chưa phân phối năm trước để bù đắp khoản nộp thuế TNDN bổ sung đang chờ sự phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 cũng như các năm trước phụ thuộc vào kết quả kiểm tra cuối cùng của cơ quan thuế địa phương. Nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh (nếu có) ngoài số đã kê khai và tạm nộp sẽ được Ban Tổng giám đốc ghi nhận vào báo cáo tài chính kỳ kiểm tra của cơ quan thuế.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.024.037.235	12.914.552.660
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	2.374.335.200
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.024.037.235	10.540.217.460
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	31.199.825	31.199.825
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	65	338

(*) Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2020, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 715/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2020.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.563.391.169	3.034.700.759
Chi phí nhân công	36.841.357.970	38.995.863.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.203.734.052	11.312.129.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.034.151.400	117.843.601.286
Chi phí khác bằng tiền	22.890.912.075	38.913.752.948
Cộng	137.533.546.666	210.100.047.549

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Xi măng Việt Nam (VICEM)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Công ty con của VICEM
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Công ty con của VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Công ty con của VICEM
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Công ty con của VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con của VICEM
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch	Công ty con của VICEM
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty con của VICEM
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	Công ty con của VICEM
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị hạch toán phụ thuộc VICEM

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ngoài các số dư và giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả khác		
Phải trả cổ tức		
- Tổng công ty Xi măng Việt Nam	5.892.516.300	-
- Cổ tức trả cho cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty	600.000	-

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (Mua clinker)	19.913.863.819	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn (Phí bốc xếp than)	298.043.303	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Tiền điện, nước)	3.122.098	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Phí gom vệt than)	136.936.870	149.955.227
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (Phí tư vấn, lập hồ sơ mời thầu)	154.749.091	-
Doanh thu tài chính		
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.520.820.669	-
Phí phạt		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	11.218.600	-
Tổng công ty Xi măng Việt Nam		
Phí tư vấn chuyển giao công nghệ	1.125.904.956	1.084.801.304
Chi phí lãi vay	966.438.356	-
Cổ tức đã trả	-	19.641.721.000
Tiền lương, thù lao, phụ cấp của Ban kiểm soát	802.385.042	752.636.749
Cổ tức đã trả cho cổ đông cá nhân là thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty	-	336.200.000

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
- Ông Phạm Đức Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 19/10/2020)	17.000.000	-
- Ông Lê Xuân Khôi - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 19/10/2020)	111.647.895	150.771.930
- Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/06/2020)	349.022.133	851.555.959
- Ông Phùng Thanh Hồng - Thành viên Hội đồng quản trị	584.730.389	599.566.001
- Ông Hoàng Vũ Thắng - Thành viên Hội đồng quản trị	95.034.211	117.122.807
- Ông Trịnh Quang Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	95.034.211	129.184.210
- Ông Trần Khắc Mạnh - Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 29/06/2020)	506.895.269	-
- Ông Huỳnh Trung Hiếu - Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/01/2020)	-	-
- Ông Trịnh Công Giang - Phó Tổng giám đốc	579.988.113	596.032.119
Cộng	2.339.352.221	2.444.233.025

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ 31/12/2020 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.595.655.269	40.964.841.863
Phải thu của khách hàng và phải thu khác	398.184.328.597	404.005.409.029
Cộng	402.779.983.866	444.970.250.892
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	111.413.889.137	46.229.202.501
Chi phí phải trả	557.281.606	1.537.062.355
Vay và nợ thuê tài chính	355.568.750.000	604.093.750.000
Cộng	467.539.920.743	651.860.014.856

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đảo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đảo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	111.413.889.137	-	-
Chi phí phải trả	557.281.606	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	355.525.000.000	43.750.000	-
Cộng	467.496.170.743	43.750.000	-
Tại ngày 01/01/2020			
Phải trả người bán và phải trả khác	46.229.202.501	-	-
Chi phí phải trả	1.537.062.355	-	-
Vay và nợ thuê tài chính	603.525.000.000	568.750.000	-
Cộng	651.291.264.856	568.750.000	-

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ban Tổng giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

33. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Dịch bệnh viêm đường hô hấp Covid-19 bắt đầu từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán - Trung Quốc đang diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu giảm, khiến nền kinh tế thế giới và trong nước chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Hoạt động kinh doanh của Công ty cũng bị sụt giảm do ảnh hưởng chung của nền kinh tế cũng như ảnh hưởng theo chuỗi giá trị ngành. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi biến động, đánh giá tác động của đại dịch này đối với nền kinh tế và hoạt động của Công ty, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã phản ánh thực trạng tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm và không có điều chỉnh cần thiết nào khác liên quan đến ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tới số liệu báo cáo tài chính này.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập

Trưởng phòng kế toán

Tổng giám đốc



Lê Thị Thu Thủy

Trịnh Thị Hồng

Trần Khắc Mạnh

Chứng thực ban sao đồng với bản chính.

Số chứng thực: 2184 - 01 - 9678

Ngày: 06-04-2021



PHÓ CHỦ TỊCH
Trịnh Văn Hà

Số: 548 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN (đ)
I	Vốn điều lệ	311.998.250.000
II	Phân phối lợi nhuận	
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước để lại	3.458.980.092
2	Lợi nhuận thực hiện năm 2020	8.432.448.452
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.867.391.309
	Số thuế TNDN năm 2020	4.182.765.202
	Số thuế TNDN phát sinh từ giao dịch liên kết năm 2019	5.684.626.107
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.024.037.235
	Lợi nhuận năm trước để lại (Sau khi xử lý thuế TNDN phát sinh từ giao dịch liên kết)	-
	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	2.024.037.235
5	Trích quỹ thưởng Người quản lý	120.000.000
b	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.904.037.235
c	Trích quỹ Đầu tư phát triển	-
d	Chia cổ tức	-

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

Số: 549 /TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

- Căn cứ kết quả HĐKD năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao năm 2020 của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế hoạch thù lao năm 2021 như sau:

1. Mức thù lao năm 2020:

Công ty đã thực hiện trả thù lao cho các thành viên HĐQT, kiểm soát viên không chuyên trách của Công ty theo đúng mức nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua là 336.000.000 đồng. Tổng số thù lao năm 2020 đã thực hiện trả là: 336.000.000 đồng.

2. Kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2021:

Để phục vụ công tác quản trị của HĐQT và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

a. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng)	Số tháng/năm	Thành tiền (đồng)
I	Hội đồng quản trị	5			264.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	1	6.000.000	12	72.000.000
2	Ủy viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
II	Ban kiểm soát	3			72.000.000



Ủy viên ban kiểm soát	2	3.000.000	12	72.000.000
Tổng cộng				336.000.000

b. Lương và các chế độ khác của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT;
- PC&QHCD;
- Lưu VT, TCLD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Khắc Mạnh
Trần Khắc Mạnh





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, BKS, HĐQT.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thu Hà

Số: 551/Tr-HĐQT

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2024

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Trong thời gian qua, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng với các công ty đại chúng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty (kèm theo).

Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình!



Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCB.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT – GIÁM ĐỐC




Trần Khắc Mạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dự thảo

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Chương IX. BAN KIỂM SOÁT TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

Chương XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

Chương XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Thanh lý

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...

Chương I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài (Tiếng Anh): **VICEM Energy and Environment Joint Stock Company**

- Tên Công ty viết tắt: **VICEM E&E JSC**

2. Hình thức: Là doanh nghiệp được thành lập theo hình thức chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 280/QĐ-BXD ngày 22 tháng 2 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 21B Cát Linh - Phường Cát Linh - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội.**

- Điện thoại: **024.38457328 - 024.38457458**

- Fax: 024.38457328 - 024.38457458

- Email: vtvvicem@gmail.com

- Website: vtvxn.vn ; nlmtvicem.vn.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện tại, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

a. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Quảng Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 1 A , khu 6A, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Điện thoại: 0333.832.041 Fax: 0333.832.040

b. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Thạch

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Bích Nhôi 2, Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Điện thoại: 03203.821.090 Fax: 03203.821.068

c. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hải Phòng

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Thăng Lợi, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0313.661.204 Fax: 0313.661.203

d. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hà Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: La Mát, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Điện thoại: 03513.853.098 Fax: 03513.853.122

đ. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Ninh Bình

- Địa chỉ trụ sở chính: đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại: 0303.871.018 Fax: 0303.874.450

e. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Bim Sơn:

- Địa chỉ trụ sở chính: số nhà 61, đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0373.770.241 Fax: 0373.772.894

g. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Hoàng Mai.

- Địa chỉ trụ sở chính: khối 6, Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: 0383.664.107 Fax: 0383.664.151

h. Chi nhánh Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - Đoàn vận tải.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tại số nhà 24, phố Chợ Cũ, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 0333.518.264 Fax: 0333.518.280

i. Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tại Phú Thọ

- Địa chỉ trụ sở chính: Phú Thọ: Tại khu 1, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

k. Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM - phía Nam

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b) Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

3) Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

**Chương III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4530
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương - Chi tiết: Vận tải hàng hóa viễn dương, theo lịch trình hoặc không	5012
6	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
8	Bốc xếp hàng hóa	5224
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không) - Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Sắp xếp tổ chức các hoạt động vận tải, lấy mẫu, cân hàng; Cung ứng, cho thuê tàu biển.	5229
10	Khai thác quặng sắt	0710
11	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt -Chi tiết: Khai thác quặng bô xít, silic ...	0722
12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Khai thác các khoáng chất khác dùng làm phụ gia SX xi măng (đá bazan, thạch cao ...)	0899
13	Tái chế phế liệu - Chi tiết: Kinh doanh khai thác, chế biến xylat và phế liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng và các nhu cầu khác của xã hội.	3830
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan - Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác	4661 (Chính)
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu) - Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại dùng cho SX xi măng (quặng sắt, bô xít, silic ...); Bán buôn sắt, thép.	4662

16	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu phi kim loại dùng cho SX xi măng (đá bazan, thạch cao...); Bán buôn tro bay; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn các loại túi lọc bụi, băng chuyền, băng tải	4669
18	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
19	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
20	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá) (Bán trực tiếp nhiên liệu, giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng, đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ), bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng)	4799
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
22	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất - Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản; + Quản lý vận hành: Nhà cao tầng, nhà chung cư, văn phòng, khối dịch vụ thương mại	6820
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy - Chi tiết: Quản lý, khai thác cảng sông.	5222
26	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác - Chi tiết: Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội.	0990
27	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ - Chi tiết: Hoạt động của bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa + Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225
28	Thu gom rác thải không độc hại - Chi tiết: Thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải	3811
29	Thu gom rác thải độc hại	3812
30	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821

31	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
32	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bùn thải	3700
33	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
34	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao Chi tiết: Sản xuất thạch cao	2394
35	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
36	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
37	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4719
38	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)	4711
39	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
40	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
41	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
42	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
43	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi có đủ điều kiện pháp luật quy định và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: là bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 311.998.250.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm mười một tỷ, chín trăm chín tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 31.199.825 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 37% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quyết định của Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại

hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất

lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và

không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua nghị quyết về tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến của các cổ đông bằng văn bản.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Nghị quyết về các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về mọi vấn đề để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải

được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Đối với hợp đồng mua, bán than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 42 Điều lệ này), Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc Công ty quyết định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Thông qua chủ trương để Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật, mức lương, phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương;
 - l) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề

hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 02 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;
- đ) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- e) Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- f) Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;
- g) Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;
- h) Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;
- i) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến của Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện). Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- j) Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- k) Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;
- l) Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

m) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, các Quy chế nội bộ và hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Chương X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG
VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Phụ lục 01

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP THỜI ĐIỂM NGÀY 10/3/2021

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM ngày 17 tháng 6 năm 2021)

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CNSH	NGÀY CẤP	ĐỊA CHỈ	SL CP
I	CÓ ĐÔNG NHÀ NƯỚC				
	Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	0100106320	31/03/2020	228 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	19,641,721
II	CÁC CỔ ĐÔNG KHÁC				
1	Bùi Thị Bích Liên	001171000788	29/04/2014	21B Cát Linh, Công ty cổ phần VICEM vật tư - vận tải - xi măng	4,300
2	Bùi Văn Khoa	160781015	17/10/2007	Thôn Thượng Thôn, Yên Tiến, ý Yên, Nam Định	1,920
3	Dương Văn Hội	090856543	17/01/2005	Nhà số 4 ngách 122/34, Vĩnh Tuy, HN	120
4	Hoàng Bùi Hạnh	030023513	04/07/2003	Số 2T28 Đình Hạ, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	40
5	Hoàng Bùi Tâm	030905746	23/12/2007	280 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng	36,700
6	Hoàng Văn Anh	036166004738	18/01/2019	Số nhà 59 phố Vạn Phúc, P. Thanh Bình, Ninh Bình	620
7	Hoàng Đăng Khoa	162047116	09/03/1993	Thôn Mễ Nội, Xã Lâm Chính, TX Phú Lý, tỉnh Hà Nam	3,000
8	Hà Minh Triết	100483258	22/08/2003	Tổ 18b Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh	66
9	Hà Thị Minh	012614978	22/08/2003	Số 5 ngách 53 ngõ 285 phố Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	40
10	Hồ Thị Hằng	173667399	11/05/2010	Khu phố 2, Phường Ba Đình, Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa	1,000
11	Lê Minh Nhật	111226645	04/12/1996	667 Quang Trung Hà Đông Hà Tây	40
12	Lê Quang Vinh	011739524	18/08/2007	135A Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1,480
13	Lê Trường Giang	030998825	08/06/2009	Xóm Nam, Xã Dương Quan, Thủy Nguyên, Hải Phòng	13
14	Lê Văn Hai	101062081	22/03/2007	Số 32 Khu Hoàng Hoa Thám, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	200
15	Lưu Thị Lộc	038159005834	24/09/2019	Số 61, Khu 6, Ngọc Trạo, Bim Sơn, Thanh Hoá	720
16	Lưu Thị Minh Ngọc	011751472	30/05/2008	Số 5, Ngõ 175 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên Hà Nội	11,400
17	Lưu Thị Quyết Thắng	010067954	06/08/2009	Số 6 ngách 106/1 Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	5,728
18	Mai Thống Nhất	001056005535	22/07/2016	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	5,100

19	Nguyễn Công Vinh	033065001547	22/02/2017	Ngõ 68 30B Đoàn Thị Điểm, Đống Đa, HN	1,000
20	Nguyễn Hữu Tuấn	164110821	25/05/1999	Số 98B Trần Kiên, P Thanh Bình, Ninh Bình	880
21	Nguyễn Minh Chính	010424294	09/05/2007	Số 9 ngõ Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, HN	1,400
22	Nguyễn Minh Hoàn	022061000229	30/03/2016	Tổ 60 khu 5b Cửa Ông, TP Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	1,000
23	Nguyễn Ngọc Diện	162219202	09/12/1996	Xóm 10, xã Hải Lộc, huyện Hải Hậu, Nam Định	40
24	Nguyễn Ngọc Hoa	010373715	02/11/2006	Số 15A Chùa Bộc, Hà Nội	2,157
25	Nguyễn Ngọc Thanh	100591759	18/12/2007	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	29,200
26	Nguyễn Thao Trường	013234371	29/09/2009	Thôn Quỳnh Chân, xã Lam Hạ TP Phú Lý Hà Nam	5,000
27	Nguyễn Thế Bình	012248033	12/07/1999	TT Sông Đà tổ 34 cụm 4, Số 9, Nhật Tân, HN	6,200
28	Nguyễn Thế Công	130952173	18/03/2015	Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ	273
29	Nguyễn Thị Bích Ngọc	001159016042	10/09/2019	Phòng 413 D4, P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội	1,600
30	Nguyễn Thị Bảy	164146221	08/08/2015	Số 34 Hoàng Diệu, P Thanh Bình, Ninh Bình	2,400
31	Nguyễn Thị Hương	025163000174	30/08/2017	Tổ 12 khu 4, P. Hà Lâm, Tp Hạ Long, Quảng Ninh	2,666
32	Nguyễn Thị Hải Yến	011670707	12/03/2003	Số 16 ngách 1 Lương Sứ C, Văn Chương, Đống Đa, HN	400
33	Nguyễn Thị Minh Tâm	001183003742	24/09/2014	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	120
34	Nguyễn Thị Nhân	100318405	03/11/2003	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	2,000
35	Nguyễn Thị Thúy Mai	011572175	07/04/2010	28 ngõ 472 Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội	643,466
36	Nguyễn Tiến Chương	042055000214	02/04/2018	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	4,000
37	Nguyễn Trọng Chúc	010067977	19/12/2006	Số 25 ngõ 205 Bạch Mai, HN	17,000
38	Nguyễn Trọng Hà	011923708	12/06/2010	Cty cổ phần Vicem- 21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	400
39	Nguyễn Trọng Hậu	010413322	26/05/2008	21B Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	74,500
40	Nguyễn Trọng Khải	001057008161	16/12/2016	Số 15A Hàng Chuối, Hà Nội	2,050
41	Nguyễn Văn Báo	161701791	09/05/2008	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng	320
42	Nguyễn Văn Hải	141943347	24/10/2009	60 Lục Đầu Giang, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	3,800
43	NGUYỄN VĂN QUANG	035065000933	09/01/2017	SN 114 đường Ngô Gia Tự, phố Phúc Sơn, phường Thanh Bình, TP N.Bình	28,765
44	Nguyễn Xuân Chương	172646830	29/09/2005	Chi nhánh Công ty CP Vtr v tải Xi măng tại Bim Sơn, số 61, đường Nguyễn Huệ, P Ngọc Trạo, Thanh hoá	2,120
45	Nguyễn Xuân Tùng	012456053	28/03/2009	253 Trích Sài, Tây Hồ, Hà Nội	5,000
46	Nguyễn ích Quang	145536789	16/03/2009	Xã Tư Dâu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	2,000

47	Ngô Văn Cầm	100648795	18/04/1993	Khu Vĩnh Tuy 2, thị trấn Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	40
48	Nông Thị Xuân	164262657	15/09/2005	P.Thanh Bình, TX. Ninh Bình	6,645
49	Phùng Xuân Vương	011947250	20/04/1996	Số 5 Ngách 53 Ngõ 285 Đội Cấn, HN	5,000
50	Phạm Anh Tuấn	162027547	25/12/2008	Xóm mới Hòe Thị, thị trấn Nho Quan, Ninh Bình	80
51	Phạm Ngọc Ân	171218902	28/06/2007	Quang trung, Bim Sơn, Thanh Hoá	400
52	Phạm Thị Bảy	013100105	11/10/2008	20 ngõ 127 Hào Nam, Đống Đa, HN	33
53	Phạm Thị Kim Lan	025177000022	13/08/2013	SN 22 ngõ 101 Núi Trúc, Ba Đình, HN	2,000
54	Phạm Thị Nga	030812011	09/10/1986	1/84/261 Trần Nguyễn Hãn, Lê Chân, Hải Phòng	200
55	Phạm thị Nhân	001177015563	25/10/2017	Số 22 tổ 3 ngõ 57 đường Quy Lưu, phường Minh Khai, Phú Lý, Hà Nam	2,200
56	Phạm Văn Chuyên	100042290	04/07/2008	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	200
57	Phạm Văn Từ	161701796	20/08/2015	Số 308 P Nam Sơn, P Thanh Bình, TX Ninh Bình, Ninh Bình	17,000
58	Phạm Văn Vinh	145170991	28/06/2001	Thôn Chi Thiện, xã Đức Thắng, Tiên Lữ, Hưng Yên	40
59	QUÁCH THỊ HÀ LƯƠNG	011371534	11/05/2005	SỐ 50, NGÕ 135 PHỐ ĐỘI CẤN, HÀ NỘI	6,000
60	Trương Thị Kim Oanh	001166017549	03/12/2020	31 ngõ 50 đường Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	3,200
61	Trần Thị Vân Anh	012099575	18/03/2010	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng, 21B Cát Linh, Hà Nội	7,417
62	Trần Thanh Sơn	011430687	12/02/2011	Số 1 ngách 1 Lương Sứ C, Văn Chương Đống Đa, HN	1,733
63	Trần Thị Hương	012641991	20/01/2011	P502 B5 TT Đồng xa, Mai Dịch, Cầu Giấy, HN	5,632
64	Trần Văn Ngân	172048170	09/11/2009	Tổ 7, khu 5, Bùi Thị Xuân, P Ba Đình, Bim Sơn, Thanh Hóa	552
65	Trần ích Uyên	131364862	22/03/2014	CN cty cp vật tư, vận tải xi măng Hoàng Mai	29
66	Trần Đình Đa	168385024	09/08/2008	Số 38 ngõ 10 Trường Chinh, Phú Lý, Hà Nam	2,000
67	Trịnh Công Giang	013078563	09/05/2008	Phòng 506. Nhà C Đền Lữ, Phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	2,000
68	Trịnh Thị Hồng	012808263	22/06/2005	P401 Nhà B1, Công vụ Chính Phủ Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội	1,000
69	Trịnh Thị Sen	168340768	11/12/2007	Số nhà 7 tổ 7, P lương Khánh Thiện, TX Phú Lý, Hà Nam	3,000
70	Trịnh Văn Chương	011676931	12/09/2006	98 tổ 11 Yên Hòa, Cầu Giấy, HN	200
71	Trịnh Xuân Chắt	170468456	25/12/2008	Số 61, Nguyễn Huệ, Bim Sơn, Thanh Hóa	400
72	Tào Thị Nghĩa	011089923	08/03/2011	số 15 a hàng chuối hà nội	456
73	Tô Minh Khương	130910173	15/07/2008	33 Khu 4 P. Nông Trang, Việt Trì, Phú Thọ	2,400
74	Tạ Quang Thuý	011839688	16/12/2009	đội 2 thôn đia xã lam hồng huyện đông anh hn	2,000
75	Vũ Hữu Chung	130872693	16/10/2007	Tổ 27B phố Thành Công, phường Thọ Sơn, Việt Trì	600

75	Vũ Hữu Chung	130872693	16/10/2007	Tổ 27B phố Thành Công, phường Thọ Sơn, Việt Trì	600
76	Vũ Quang Lạng	173661106	18/05/2007	Khu phố 1, P. Bắc Sơn, Bim Sơn, Thanh Hoá	4,800
77	Vũ Thị Liên	100046939	20/08/2013	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	6,000
78	Vũ Thị Lệ Thanh	030785528	30/05/2007	Số 219 A Lạch Tray Hải Phòng	2,000
79	Vũ Thị Minh	011733583	08/10/1996	Số 38 ngõ 117 Thái Hà, Đống Đa, HN	80
80	Vũ Tuấn Tài	101076414	30/05/2007	Tổ 93 K10, Hà Tu, Hạ Long, Quảng Ninh	3,520
81	Vũ Văn Phương	100805570	15/06/2011	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	51,333
82	Vũ Đình Luyện	141401314	06/04/2009	Khu C TT nhà máy điện Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương	1,400
83	Vũ Đình Thanh	171615574	24/04/2006	Quang Thạch, Quảng Xương, Thanh Hoá	4,680
84	Đình Công Bình	130880623	25/08/2009	Chi nhánh cty cp vật tư xi măng tại Quảng Ninh	4,360
85	Đình Công Định	164503922	26/09/2008	Số 17 tổ 5, P ngọc Xuân, Thanh Bình, TX Ninh Bình	80
86	Đặng Ngọc Đàm	011983984	23/11/2011	Số 1 ngõ 43 phố Chùa bộc, quận Đống Đa, HN	5,000
87	Đặng Thu Lan	011669062	05/05/2008	Công ty CP Vật tư vận tải Xi măng, 21B Cát linh, HN	15,000
88	Đặng Thị Tâm	168385285	23/09/2008	Tổ 20 P.Lê Hồng Phong, Phú Lý, Hà Nam	800
89	Đặng Văn Quảng	164176309	23/08/2001	56 Hoàng Diệu, P.Thanh Bình, Ninh Bình	5,000
90	Đồng Minh Trâm	145014677	14/12/2006	Đội II thôn Phi Xá, xã Lê Xá, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	40
91	Đỗ Thanh Ngọc	022058001289	22/02/2017	Chi nhánh cty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	20,000
92	Đỗ Thị Minh Thoan	012118494	30/03/2013	Số 2 A3, TT xí nghiệp vận tải, Vĩnh Tuy, HN	3,333
93	Đỗ Văn Quang	161701797	20/07/2007	Số nhà 59 phố Vạn Phúc, Thanh Bình, Ninh Bình	12,040
94	Đỗ Xuân Vinh	171615377	14/10/2002	Thôn 5, Quang Trung, Bim Sơn, Thanh Hóa	800
95	Công ty TNHH Long Sơn	2700271520	12/12/2016	Số 6, đường Voi Phục, phường Trung Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	643,197
96	Công ty TNHH Tiên Hưng	2700260021	10/01/2013	Phố 4, phường Đông Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	104,000
97	Nguyễn Thế Anh	168381054	24/10/2011	Tiên Hiệp, Duy Tiên, Hà Nam	2,000
98	Nguyễn Thị Minh Hiền	001162009030	16/09/2016	P512 nhà A1 ngõ 1 Khâm Thiên, Đống Đa, HN	300
99	Nguyễn Thị Thục Nguyễn	141829465	07/04/2003	Tổ 1, khu Vĩnh Tuy II, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	133
100	Nguyễn Văn Sơn	141857850	11/01/1996	Công ty cp vật tư vận tải xi măng tại Quảng Ninh	40

101	Phạm Duy Hưng	140235191	19/09/2008	Thị trấn Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương	105
102	Trần Ngọc Tuấn	112053657	21/06/2004	Xã Minh Quang, Ba Vì, Hà Tây	880
103	Trần Văn Long	011259272	19/12/2009	Nhà số 4 ngách 43/12 ngõ 43 Tô Vĩnh Diện, Thanh Xuân, HN	80
104	Đỗ Thị Hiền	012636726	12/04/2010	54 Lê Thanh Nghị, P Bách Khoa, HBT, HN	3,000
	Tổng cộng				21,520,423

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021
PHÒNG PHÁP CHẾ VÀ QHCB

Trần Khắc Mạnh

Trần Quang Ninh

Số 552/TT-HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường
VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường
VICEM

Trong thời gian qua, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (*kèm theo*).

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HDQT, PC&QHCD.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Khắc Mạnh
Trần Khắc Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

**DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Hà Nội, tháng năm 2021

Mục lục

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

2. Đối tượng áp dụng:

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông.....

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:.....

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;.....

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....

d) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;.....

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;.....

h) Điều kiện tiên hành;.....

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;.....

k) Cách thức bỏ phiếu;.....

l) Cách thức kiểm phiếu;.....

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;.....

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu;.....

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....

3. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua NQ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;.....

b) Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua NQ bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 3. Hội đồng quản trị.....

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của TV.HĐQT (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).....

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;.....

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;.....

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;.....

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;.....

- d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;.....
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;.....
- g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;.....
- h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....
- 3. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....
- 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị
- a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;.....
- b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;.....
- c) Thông báo họp Hội đồng quản trị
- d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;.....
- đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;.....
- e) Cách thức biểu quyết;.....
- g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;.....
- h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
- i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;.....
- k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;.....
- l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....
- 5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;.....
- a) Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán;.....
- b) Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán;.....
- 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....
- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;.....
- b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;.....
- c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;.....
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;.....
- đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.....

Điều 4. Ban Kiểm soát

- 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát
- 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát
- a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;.....
- b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;.....
- c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;.....
- d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;.....
- đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;.....

- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;.....
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....

Điều 5. Tổng Giám đốc.....

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;
2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc
 - a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;
 - b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc;
 - c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
 - d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;
 - đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;
 - e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:
 - a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;
 - b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;
 - c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;
 - d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;
 - đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;
 - e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;
 - g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.
2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
3. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2021/QĐ-HDQT/..... ngày của HĐQT)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật;

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông:

1. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1.2 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1.2.1). Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

1.2.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.2.3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

a) Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 và điểm a Khoản 4 Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

2.2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên Website Công ty và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết.

d) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty;

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

a) Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.

b) Trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2.8. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty;

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và một phiếu biểu quyết. Trên thẻ, trên phiếu biểu quyết ghi Tên Công ty, ngày tháng năm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, các vấn đề cần biểu quyết và phương án biểu quyết, phần dành cho cổ đông ký tên và dấu treo của Công ty, tất cả các nội dung trong chương trình của phiên họp đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết.

2.10. Cách thức bỏ phiếu:

a) Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo điều hành của Đoàn chủ tịch theo nội dung: Tán thành, không tán thành; hoặc không có ý kiến để biểu quyết các vấn đề sau:

a1) Thông qua Ban Kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc của Đại hội.

a2) Thông qua Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát; Số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được bầu tại Đại hội.

a3) Thông qua Biên bản Đại hội;

a4) Và các nội dung khác theo yêu cầu của Đoàn chủ tịch.

b) Biểu quyết bằng cách ghi trên Phiếu biểu quyết: Các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Phiếu biểu quyết phải có chữ ký của người biểu quyết và được bỏ vào hòm phiếu theo hướng dẫn của Ban bầu cử/Ban kiểm phiếu.

2.11. Cách thức kiểm phiếu: Đại hội bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

a) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu, tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc bỏ phiếu biểu quyết. Tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu đều phải ký tên trong Biên bản kiểm phiếu.

b) Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS thì thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng viên vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

c) Cách thức kiểm phiếu:

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

c1) Tổng số phiếu phiếu biểu quyết (đối với từng vấn đề biểu quyết) phát ra, tổng số phiếu thu về; tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ;

c2) Kết quả biểu quyết: Ghi rõ tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành, tổng số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

2.12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: Thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề và tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp đối với từng vấn đề.

2.14. Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 132 Luật DN

2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật DN, Điều 23 Điều lệ)

2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định tại Điều lệ Công ty, pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

3.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Thực hiện tại Quy định tại Điều lệ Công ty

3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

1.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

1.3 Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.4 Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

1.5. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

1.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

1.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

1.8. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

1.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

1.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

1.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

1.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

1.13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

1.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

1.15 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

1.16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao:

2.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty

2.4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a1) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

a2) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

a3) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b1) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b2) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định Điểm d2 Điều này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

d1) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

d2) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

d3)- Trừ trường hợp quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

g1) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

g2) Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

4.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 02 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Các đề nghị trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

c) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát: Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4.6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

4.7. Cách thức biểu quyết:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết ;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

4.8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4.9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a1) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- a2) Thời gian, địa điểm họp;
- a3) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- a4) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- a5) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

a6) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

a7) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

a8) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

a9) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm k Khoản này.

4.11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Khoản 2 Điều 158 Luật doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

4.12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: phải được công bố theo quy định về công bố thông tin của các cơ quan quản lý chứng khoán và Điều lệ Công ty.

5. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

6.1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.;

6.2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Do Hội đồng quản trị quyết định;

6.3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

a) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- b) Không đủ sức khỏe, năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- c) Theo yêu cầu nhiệm vụ;
- d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết

6.4 Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Việc thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định pháp luật.

6.5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:

a) Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát; Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 37 Điều lệ Công ty

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát: Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty

Điều 5. Tổng Giám đốc.

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

a) Vai trò, trách nhiệm: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;

b) Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.;

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc: HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

d) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp sau:

d1) Không đủ sức khỏe, năng lực, uy tín để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d2) Theo yêu cầu nhiệm vụ;

d3) Có đơn từ nhiệm;

d4) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết

d5) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc: Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

d6) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc: Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên..

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng Giám đốc

1.1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các cuộc họp có sự tham gia của HĐQT, BKS và Tổng giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một lần.

a) Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho BKS và Ban Tổng giám đốc.

b) Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 03 ngày làm việc trước ngày diễn ra cuộc họp.

c) Về các quyết định được thông qua: BKS và Ban Tổng giám đốc được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

1.3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp thì BKS phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b) Giám đốc yêu cầu tổ chức họp HĐQT khi cần xin ý kiến HĐQT thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

1.4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao: Định kỳ hàng Quý, Tổng Giám đốc phải có báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ cũng như HĐQT giao phó.

1.5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

a) HĐQT áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty, qua đó Tổng Giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.

b) Kiểm điểm theo nội dung: Quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1.6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý, người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT.

b) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

c) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

d) Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

đ) Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.

e) Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua.

f) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1.7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

a) HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. BKS được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Tổng Giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của công ty.

b) Hàng năm BKS tổ chức ít nhất 2 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

2.1. Khen thưởng

a) Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tỷ lệ % trích từ lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS.

b) Trong trường hợp Công ty đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra, HĐQT lập tờ trình xin ĐHĐCĐ thông qua số tiền thưởng tương ứng để thưởng Người điều hành doanh nghiệp.

2.2 Kỷ luật

a) Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên của HĐQT, Ban điều hành và người quản lý để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

b) Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS xem xét tư cách thành viên của BKS, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần ... Năng lượng và Môi trường VCEM bao gồm và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm.....

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng 4 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh

nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử

theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

Đối với hợp đồng mua, bán than phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trừ các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp và Khoản 6 Điều 42 Điều lệ công ty), Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty quyết định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại

Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07

ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại

hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong

quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm [... chương], [... điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng ...năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số 55⁴/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường
VICEM

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán hướng dẫn về quản trị Công ty

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Trong thời gian qua, cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (kèm theo).

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT, PC&QHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT – TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Mạnh

Số: /NL&MT-BKS

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**
(Ban hành theo Nghị quyếtsố ngày.. tháng... năm...)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số..... ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Ban kiểm soát

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát cần tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 4. Viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:

Ban Kiểm soát (BKS): Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Công ty: Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Điều lệ công ty: Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Hội đồng quản trị (HDQT): Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Tổng Giám đốc (TGD): Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Đơn vị: Là các ban, phòng, chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem.

Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020

2. Giải thích từ ngữ:

Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà

thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn).
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% có quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% có quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% có quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% có quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% có quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên có quyền đề cử tám (08) ứng viên. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115

Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông

thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản

1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Thu lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các

giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung và áp dụng Quy chế.

Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban Kiểm soát đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trường hợp có những quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc khi có sự thay đổi của Pháp luật, Điều lệ Công ty thì áp dụng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các đơn vị trực thuộc trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Năng Lượng và Môi trường Vicem bao gồm 07 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. tháng. ..năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục

DANH SÁCH CÁC GIAO DỊCH TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHẤP THUẬN
(Đính kèm tờ trình số: 5.Đ ngày 28/ 5 /2021 của HĐQT)

STT	Đối tác giao kết hợp đồng	Quan hệ với VICEM E&E JSC	Hợp đồng giao dịch	Thời hạn ký kết, thực hiện các hợp đồng giao dịch
1	Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	- Hợp đồng tư vấn - Hợp đồng vay vốn	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2	Công ty xi măng Hoàng Thạch	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than, mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
3	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hạ Long	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam; Ông Phạm Đức Cường Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty xi măng Hạ Long	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
4	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hải Phòng	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.



5	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Sông Thao	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
6	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam; Ông Phạm Đức Cường Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty xi măng Hạ Long	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
7	Công ty xi măng VICEM Tam Điệp	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
8	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bỉm Sơn	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022.
9	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hoàng Mai	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi	Từ ngày tổ chức hợp ĐHCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức hợp ĐHCĐ thường



			mãng	niên năm 2022.
10	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hải Vân	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
11	Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên I	Cùng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam	Hợp đồng mua bán than ; mua bán nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất xi măng	Từ ngày tổ chức họp ĐHĐCĐTN 2021 đến trước ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Số: 556 /TB-HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc đề cử nhân sự để bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;
- Đơn từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã kết thúc nhiệm kỳ 2016 - 2021. Theo đó Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm toàn bộ chức danh thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 để thực hiện bầu lại tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Để đảm bảo số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị xin thông báo tới Quý cổ đông về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty như sau:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu nhiệm kỳ 2021 – 2026: 05 thành viên, trong đó ít nhất 01 thành viên HDQT độc lập;
- Số lượng thành viên Ban kiểm soát trị được bầu nhiệm kỳ 2021 – 2026: 03 thành viên.

1. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Hội đồng quản trị;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Hội đồng quản trị;

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Tiêu chuẩn của các ứng viên đề cử vào Hội đồng quản trị:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó (trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ)

3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban kiểm soát;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban kiểm soát;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (06) ứng viên vào Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (07) ứng viên vào Ban kiểm soát;
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% trở lên được đề cử tối đa năm (08) ứng viên vào Ban kiểm soát;
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm cho đủ số ứng viên Ban kiểm soát.



4. Tiêu chuẩn của ứng cử viên đề cử vào Ban Kiểm soát

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia Hội đồng quản trị (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao CMND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
- Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM mùng trước 16h00 ngày 07/6/2021 theo địa chỉ:
Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024.32.321.372

PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

I. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tên cổ đông/đại diện:.....
Mã cổ đông:.....
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết:.....CP

II. NỘI DUNG BIỂU QUYẾT

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán theo tờ trình số /TTr-HDQT
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo tờ trình số /TTr-HDQT
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
6. Thông qua mức chi trả thù lao cho HDQT và BKS năm 2020 và kế hoạch thù lao năm 2021 theo tờ trình số /TTr-HDQT
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 theo tờ trình số /TTr-BKS
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
8. Thông qua tờ trình về các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan theo tờ trình số /TTr-HDQT
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
9. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo tờ trình số /TTr-HDQT
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty theo tờ trình số /TTr-BKS
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**
11. Thông qua việc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo tờ trình số /TTr-BKS
Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**

12. Thông qua việc Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty theo tờ trình số /TTr-BKS

Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**

13. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026 theo tờ trình số /TTr-HĐQT

Đồng ý **Không đồng ý** **Không có ý kiến**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021
Cổ đông ký, ghi rõ họ tên

Số:/BBH-DHĐCĐ

Hà Nội, ngày ... tháng năm 2021

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

- A. **Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM
- B. **Thời gian bắt đầu phiên họp:** 8 giờ 00 phút, ngày .../.../2021
- C. **Địa điểm:** Hội trường tầng 3, Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng – Số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- D. **Thành phần tham dự:** Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc Công ty, các khách mời tham dự Đại hội, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 10/3 /2021).
- E. **Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:**

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|------------------------|-------------------------|------------|
| - Ông Phạm Đức Cường | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| - Ông Trần Khắc Mạnh | TV.HĐQT – Tổng giám đốc | Thành viên |
| - Ông Phùng Thanh Hồng | TV. HĐQT | Thành viên |

2. Ban Thư ký:

- | | | |
|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt | Trưởng phòng TCLĐ | Trưởng Ban |
| - Ông Phạm Ngọc Đức | Người phụ trách quản trị công ty | Thành viên |

3. Ban Kiểm phiếu:

- | | | |
|------------------------|--------------------|------------|
| - Bà Lê Thị Thu Thủy | Phó phòng KTTKTC | Trưởng ban |
| - Bà Đỗ Thị Minh Thoan | Phó VP Đảng ủy | Thành viên |
| - Bà Lê Thị Lan Hương | CV Pháp chế & QHCD | Thành viên |

4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- | | | |
|-----------------------|------------------------------|------------|
| - Ông Trần Quang Ninh | Phụ trách P. Pháp chế & QHCD | Trưởng ban |
|-----------------------|------------------------------|------------|

- Bà Bùi Thị Bích Liên	CV P.Pháp chế & QHCD	Thành viên
- Bà Lưu Thị Minh Ngọc	CV P.Pháp chế & QHCD	Thành viên
- Bà Lê Ngọc Thủy	CV P. Tổ chức lao động	Thành viên

F. Điều kiện tiến hành Đại hội

Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông – Ông Trần Quang Ninh báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, tại thời điểm khai mạc (h phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau: Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là Cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (..... cổ phần), trong đó:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp là Cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số Cổ đông ủy quyền là Cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

G. Nội dung phiên họp

1. **Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và kiểm phiếu** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
2. **Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội** đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
3. **Quy chế làm việc** đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.
4. **Các Báo cáo và Tờ trình do Thành viên đoàn chủ tịch trình bày tại Đại hội:**
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động 2021
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch hoạt động 2021
 - Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 của Giám đốc Công ty
 - Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua Báo cáo tài chính năm 2020
 - Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 20
 - Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021
 - Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

- Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan
- Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty
- Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Tờ trình/TTr –HĐQT thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
- Tờ trình/TTr –HĐQT thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
- Tờ trình số/TTr –HĐQT thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026

- Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026 bầu là: 05 thành viên.
- Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 bầu là: 03 thành viên.
- Đại hội đã nhất trí thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
- Đại hội đã nghe Ông.....Trưởng ban bầu cử và kiểm phiếu báo cáo danh sách ứng cử, đề cử ứng viên bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021-2026;
- Đại hội đã nhất trí thông qua Danh sách ứng viên bầu thành viên HĐQT/BKS với tỷ lệ 100% số CP có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết;
- Tổ chức bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026: Đại hội đã được Ban bầu cử và kiểm phiếu hướng dẫn chi tiết cách thức ghi phiếu bầu cử và bỏ phiếu để thực hiện bầu cử.

Đếnh phút (thời điểm diễn ra Bầu cử) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là: cổ đông, Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là Cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (..... cổ phần), trong đó:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp là Cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số Cổ đông ủy quyền là Cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- **Thảo luận tại Đại hội:** Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội. Ý kiến của cổ đông về các báo cáo và Tờ trình tại Đại hội:

.....

 Đếnh phút (thời điểm biểu quyết thông qua các Tờ trình Đại hội) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là cổ đông, đại diện chocổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

H. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Sau khi xem xét các Báo cáo, Tờ trình và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
2. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
3. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

3.1 Kết quả kinh doanh 2020

- Tổng sản lượng bán ra, kinh doanh	
+ Than cám:	882.101 tấn
+ Vận chuyển:	111.321 tấn
- Tổng doanh thu: tr. đ
- Lợi nhuận trước thuế: tr. đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: tr. đ
- Lợi nhuận sau thuế: tr. Đ
- Nộp ngân sách:tr.đ
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:%
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:%
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu:	

3.2 Kế hoạch kinh doanh 2021

- Tổng giá trị sản lượng bán ra và vận tải: tr. đ
- Doanh thu: tr. đ
- Lợi nhuận trước thuế: tr. đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: tr. đ
- Lợi nhuận sau thuế: tr. đ
- Nộp ngân sách
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:%
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản:%
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: %

4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 theo nội dung Tờ trình số..... với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:

1. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2020:đ,
2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020
 - Tổng lợi nhuận phân phối:
 - Chia cổ tức (bằng tiền):
 - Trích quỹ thưởng người quản lý
 - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:
3. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:

6. Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021 theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

.....
.....

7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021 theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

8. Tờ trình số/TTr -HĐQT thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty

với các bên có liên quan với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

9. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
10. Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
11. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
12. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Tờ trình số/TTr-HĐQT với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;
13. Đại hội đã thống nhất bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
			%
			%
			%
			%
			%

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)

			%
			%
			%

I. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua. Biên bản gồm 06 trang, được lập thành 03 bản, lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 tại Văn phòng Công ty 01 bản, lưu VT 01 bản, lưu Ban Thư ký 01 bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 sẽ được lập thành văn bản và thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng qui định của Pháp luật.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

Chủ Tọa

.....

.....

.....

BAN THƯ KÝ

.....

.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM ngày / /2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 3: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD năm 2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

3.1 Kết quả kinh doanh 2019

- | | |
|---|-------|
| - Tổng sản lượng bán ra, kinh doanh | |
| + Than cám: | tấn |
| + Vận chuyển: | tấn |
| - Tổng doanh thu: | tr. đ |
| - Lợi nhuận trước thuế: | tr.đ |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp (phải nộp) | tr.đ |
| - Lợi nhuận sau thuế: | tr. đ |

- Nộp ngân sách:	tr.đ
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	%
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	%
- Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản (LNST/TTSBQ):	1,01%
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (LNST/DTT)	%

1.2 Kế hoạch kinh doanh phần đầu năm 2021

- Tổng sản lượng bán ra và vận tải:	
+ Than cám:	tấn
+ Vận chuyển:	tấn
+ Kinh doanh rác thải:	tấn
+ Kinh doanh bùn thải:	tấn
- Doanh thu:	tr.đ
- Lợi nhuận trước thuế:	tr.đ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (phải nộp)	tr.đ
- Lợi nhuận sau thuế:	tr.đ
- Nộp ngân sách:	tr.đ
- Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền):	%
- Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu:	%
- Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (LNST/DTT)	%

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày /6/2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội

Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày /6/2021 cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:

1. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2020:	đ,
2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	
Tổng lợi nhuận phân phối:	đ
+ Chia cổ tức (tỷ lệ 3% bằng tiền):	đ
+ Trích quỹ thưởng người quản lý:	đ
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	đ
3. Lợi nhuận còn lại chưa phân phối:	đ

Điều 6: Thông qua mức thù lao HDQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch thù lao 2021 theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày / /2021 với cổ

phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

.....
.....

Điều 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 06/TTr-BKS ngày 18/6/2020 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 8: Tờ trình số/TTr -HDQT thông qua các hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 9: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày / /2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

ủy quyền tại Đại hội;

Điều 10: Thông qua nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày / /2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

ủy quyền tại Đại hội;

Điều 11: Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày / /2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

ủy quyền tại Đại hội;

Điều 12: Thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo nội dung Tờ trình số /TTr -HDQT ngày / /2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 13: Thông qua việc miễn nhiệm, bầu thành viên HDQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo tờ trình số /TTr-HDQT ngày / /2021 với cổ phần tán thành, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Điều 14: Đại hội đã thống nhất bầu thành viên HDQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 -2026 như sau:

Hội đồng quản trị gồm thành viên trúng cử:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
			%
			%
			%

Ban kiểm soát gồm Thành viên trúng cử

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ: số phiếu bầu/Tổng số CP có quyền biểu quyết tham dự ĐH (%)
			%
			%
			%

Điều 13: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày/...../2021

Hội đồng quản trị, Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HNX, UBCKNN (để b/c);
- VICEM (để b/c);
- Như điều 9;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Phạm Đức Cường



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

GIẤY XÁC NHẬN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Tên cổ đông:.....Mã cổ đông:.....
Số CMND/ĐKKD:.....Cấp ngày.....Tại.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
Tổng số cổ phần đăng ký biểu quyết:.....
(bằng chữ:.....)

Trong đó:

Số cổ phần sở hữu/đại diện cổ phần

Số cổ phần được ủy quyền: cổ phần

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tổ chức vào 08h00 ngày 17/6/2021.

CỔ ĐÔNG

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

.....

Ghi chú: Đề nghị quý Cổ đông xác nhận việc tham gia (hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền kèm theo), gửi Fax hoặc bản chính về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 14/6/2021:

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ: 21 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372 ; Fax: 024.38457186



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o0o—

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Tên cổ đông:

Số CMND/ĐKKD Cấp ngày: tại:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần sở hữu: cổ phần, Bằng chữ:

Nay tôi ủy quyền cho:

Ông (bà):

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Số cổ phần ủy quyền:

**Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Ban lãnh đạo của Công ty có tên dưới đây
(đánh dấu x vào ô vuông):**

- Ông Phạm Đức Cường – Chủ tịch HĐQT.
 Ông Trần Khắc Mạnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
 Ông Phùng Thanh Hồng – Thành viên HĐQT

Được thay thế Tôi/Công ty tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tổ chức vào 08h00 ngày 17/6/2021 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Xin vui lòng gửi Fax hoặc bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 14/6/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ: 21 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372 Fax: 024.38457186



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

GIẤY ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Hôm nay, ngày/...../2021, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM có tên trong Danh sách được gửi kèm theo đây, cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (bà):

CMND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Ban lãnh đạo của Công ty có tên dưới đây (đánh dấu x vào ô vuông):

- Ông Phạm Đức Cường – Chủ tịch HĐQT.
 Ông Trần Khắc Mạnh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
 Ông Phùng Thanh Hồng – Thành viên HĐQT

Được thay mặt chúng tôi tham dự Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM tổ chức vào 08h00 ngày 17/6/2021 và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền. Giấy Ủy quyền này có hiệu lực đến khi kết thúc kỳ họp Đại hội cổ đông bất thường của Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký tên trong Danh sách kèm theo)

.....
.....
Ghi chú: Xin vui lòng gửi Fax và bản chính Giấy ủy quyền về địa chỉ sau trước 16h00 ngày 14/6/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Địa chỉ: 21 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

Tên tổ chức/cá nhân:

CMND/ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:

Tương ứng với tổng mệnh giá là:

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM cho tôi được đề cử:

Ông (Bà):

CMTND/ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:

Tương ứng với tổng mệnh giá là:

Làm ứng cử viên tham gia vào Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/6/2021.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 07/6/2021 về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM
(dùng cho nhóm cổ đông)

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**

Hôm nay, ngày...../...../2021, tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM cùng nhau nắm giữ cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà):
CMTND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Làm ứng cử viên tham gia vào Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM nhiệm kỳ 2021 -2026 được bầu cử trong kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/6/2021.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:
Ông (Bà):
CMTND số: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:
Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)
Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.

....., ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 07/6/2021 về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường

Địa chỉ: Số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.32.321.372



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên: Giới tính: *Nữ/Nam*
- Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
- Quốc tịch: *Việt Nam*
- Giấy CMND số: cấp ngày: tại
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
- Chỗ ở hiện tại:
- Trình độ văn hoá:
- Trình độ chuyên môn:
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

- Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

- Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
		Từ..... đến
		Từ..... đến
		Từ..... đến

12. Quan hệ gia đình:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố đẻ/bố nuôi/bố vợ/bố chồng					
Mẹ đẻ/mẹ nuôi/ mẹ vợ/mẹ chồng					
Anh/ chị/em ruột					
Anh, em rể					
Chị, em dâu					
Chồng/ Vợ					
Con đẻ/con nuôi					
Anh chị em ruột của vợ/Anh chị em ruột của chồng					

13. Lợi ích có liên quan tới Công ty

a. Doanh nghiệp mà tôi sở hữu/đại diện phần vốn góp hoặc cổ phần:

STT	Tên doanh nghiệp góp vốn	Mã số DN	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời điểm sở hữu/đại diện
1							
2							

b. Doanh nghiệp trong đó người có liên quan của tôi làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần từ 10% trở lên:

STT	Họ và tên (mối quan hệ)	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành nghề kinh doanh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời điểm sở hữu

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng năm 2021

Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc nơi công tác

....., ngày tháng..... năm 2021

NGƯỜI KHAI